

Simone de Beauvoir một cái chết rất dịu dàng



VHSG

Simone de

SIMONE DE BEAUVOIR

MỘT CÁI CHẾT
RẤT DỊU DÀNG

Vũ Đình Lưu *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

MỘT CÁI CHẾT RẤT DỊU DÀNG

Vũ Đình Lưu dịch từ nguyên tác Pháp ngữ:

UNE MORT TRÈS DOUCE

Tập san Văn ấn hành lần thứ nhất, Saigon, 1967

© Dịch giả giữ bản quyền

Dù đã rất cố gắng nhưng chúng tôi vẫn chưa liên lạc được với dịch giả. Vì mục đích phát triển chung, chúng tôi xin mạn phép tái bản dịch phẩm này. Rất mong quý dịch giả lượng thứ. Về bản quyền và nhuận bút, xin quý dịch giả vui lòng liên hệ với CTY TNHH TM DV Văn Hóa Cửu Đức.

245 Nguyễn Thị Minh Khai Q.1, Tp. HCM.

ĐT: 08. 8322047

Email: sachhanoi@vnn.vn

*Do not go gentle into that good night.
Old age should burn and rave at close of day;
Rage, rage against the dying of the light...*

Dylan Thomas

Xin đừng bước vào cõi đêm dày này một cách dịu ngoan.
Tuổi già cần bốc cháy và điên dại vào lúc ngày sắp tàn;
Điên cuồng, điên cuồng chống lại cơn hấp hối của ánh sáng...

Tặng em gái tôi

Ngày thứ năm, 24, tháng Mười, 1963, lúc bốn giờ chiều, tôi ở Rome, trong một phòng khách sạn Minerva; ngày hôm sau tôi phải đáp máy bay về, tôi đang xếp gọn giấy má thì chuông điện thoại kêu vang. Bost ở Ba-lê gọi sang: “Cụ nhà mắc tai nạn”, anh nói. Tôi nghĩ: chắc bị xe hơi đụng, má tôi lập cập chống gậy bước từ mặt đường lên lề nên bị xe đụng phải. Bost nói rằng: “Cụ nhà bị té trong phòng tắm, gãy đầu xương đùi”. Anh cùng ở ngôi nhà với má tôi. Tối hôm qua, vào khoảng mười giờ đêm, anh lên cầu thang với Olga thì thấy ba người đi trước: một bà và hai người cảnh sát. Bà này nói: “Ở quá tầng lầu hai”. Có xảy ra cái gì cho bà de Beauvoir chẳng? Có. Bà bị té. Bà đã bò lê trên sàn trong hai giờ để đến chỗ máy điện thoại; bà đã gọi một người bạn, bà Tardieu, báo phá cửa vào. Bost và Olga đã đưa mấy người đến nơi. Họ thấy má tôi mình mặc áo trong nhà bằng nhung đỏ có sọc nổi. Bà bác sĩ Lacroix cùng thuê nhà ấy cho là gãy đầu xương đùi; đưa ra ban cấp cứu nhà thương Boucicaut, mẹ tôi đã ngủ một đêm trong phòng chung. Bost nói với tôi: “Nhưng tôi đưa cụ đến bệnh viện C, ở đây có những bác sĩ giải phẫu về xương giỏi nhất. Có bác sĩ B. Cụ không muốn đến sợ phí tổn quá. Nhưng tôi đã thuyết phục được cụ rồi.”

Tội nghiệp cho má tôi quá? Tôi mới dùng côm với má tôi khi ở Mạc-tư-khoa về, cách đây năm tuần lễ; trông má tôi không được tươi tỉnh, cũng vẫn như mọi ngày. Trước đây không bao lâu, đã có hồi má tôi tự kiêu rằng còn trẻ hơn tuổi mình; bây giờ thì không ai làm được nữa: đúng là một bà cụ 77 tuổi, yếu đuối lắm rồi. Bệnh sưng khớp xương háng phát ra từ sau cuộc chiến tranh, mỗi năm một nặng thêm, tuy có thoa nắn và trị nước suối

ở Aix Les Bains: má tôi đi quanh một dãy nhà phải mất một giờ. Má tôi đau nhức, không ngủ được, mặc dù mỗi ngày uống 6 viên aspirine. Từ hai ba năm nay, nhất là từ mùa đông mới qua tôi vẫn thấy mắt cụp quầng tím, mũi nhăn lại, má lép. Viên y sĩ riêng, bác sĩ D, nói rằng bệnh không nặng: can suy, trường nhược, ông vẫn cho thuốc, và bảo ăn mút me để khỏi bón. Tôi không lấy làm lạ rằng hôm ấy má tôi đã “quỵ”; điều làm tôi đau khổ là mùa hè ấy má tôi không được bình an. Má tôi có thể đi nghỉ mát trong một khách sạn hay một nhà tu nhận người đến nghỉ. Nhưng má tôi tính rằng cũng như mọi năm, cô Jeanne mời đến Meyrignac hay em gái tôi mời đến Scharrachbergen. Cả hai người đều không được rảnh. Má tôi ở lại Ba-lê, tro trọi, mà trời lại mưa. Má tôi bảo “chưa bao giờ má thấy buồn, mà bây giờ má thấy buồn thật”. May quá, tôi qua Ba-lê ít lâu thì em tôi mời cụp lên Alsace chơi hai tuần lễ. Bây giờ bạn bè má tôi ở Ba-lê, tối cũng về đấy: nếu không bị gãy xương chắc là tôi sẽ được thấy má tôi tươi tỉnh. Tim má tôi còn tốt lắm, áp lực động mạch còn như đàn bà trẻ: tôi không ngờ tai nạn xảy ra cho má tôi ác hại như thế.

Tôi gọi điện thoại đến bệnh viện nói chuyện với má tôi vào khoảng sáu giờ. Tôi báo trước sẽ trở về thăm. Má tôi trả lời bằng một giọng ngập ngừng. Bác sĩ B cầm lấy máy điện thoại: sáng thứ bảy ông sẽ giải phẫu.

“Đã hai tháng con không viết thư cho má!”. Má tôi trách tôi khi tôi đến gần giường. Tôi thưa lại: tôi mới gặp má; ở Rome tôi có viết thư. Má tôi nghe ra vẻ không tin. Trán và tay nóng như lửa; miệng hơi nhăn nhó, nói thì khó khăn, đầu óc như bị phủ sương mù. Có phải vì té mà có hậu quả ấy chẳng? Hay trái lại, má tôi té vì bị kinh phong? Má tôi vẫn thường bị giật gân (không, không bị luôn, nhưng bệnh đã từ lâu. Từ bao giờ?). Khi nháy mắt, lông mày nhướng lên, trán nhăn lại. Trong lúc tôi ở đấy, mắt má tôi không ngừng máy động như thế. Khi nhắm mắt mi mắt nhăn và phồng cong trùm kín con ngươi. Bác sĩ J, một người phụ tá đi qua: cuộc giải phẫu vô ích, khúc xương đùi không trật ra ngoài, ba tháng nghỉ ngơi sẽ liền lại. Má tôi đỡ lo, bèn kể lại một cách lộn xộn: sự gắng sức với đến máy điện thoại, nỗi lo sợ, lòng tử tế của Bost và Olga. Người ta đưa má tôi đến nhà

thương Boucicaut trong lúc má tôi chỉ mặc áo trong nhà, không có đồ dùng gì mang theo. Ngày hôm sau, Olga mang lại cho má tôi đồ rửa mặt, dầu thơm, một bộ áo đoc sách bằng len trắng. Khi má tôi cảm ơn Olga, cô trả lời: “Thưa bà, vì tôi mến bà đó thôi”. Má tôi nhắc lại nhiều lần, về trầm ngâm, mơ màng: “Cô ấy bảo vì quý mến đó thôi”.

Tối hôm ấy Olga bảo tôi: “Cụ có vẻ sượng sùng đã làm phiền người khác và rất biết ơn người đã giúp cụ: cụ đã quá bận tâm”. Olga bực tức mà nói đến bác sĩ D. Ông ta phật ý vì đã cho mời bác sĩ Lacroix, ông không đến nhà thương Boucicaut thăm má tôi ngày thứ năm. Cô nói: “Tôi phải mất đến hai mươi phút để gọi điện thoại. Sau một cơn xúc động như thế, cụ nhà cần phải được bác sĩ quen biết an ủi. Thế mà ông ta nhất định không muốn hiểu”. Bost không nghĩ rằng má tôi bị bệnh gì bộc phát: khi đỡ cụ dậy, cụ hơi ngơ ngác nhưng tỉnh trí. Tuy nhiên anh sợ rằng ba tháng nữa má tôi không khỏi được: gãy đầu xương không có gì là nặng lắm, nhưng người già cả nằm yên một chỗ lâu quá làm da đóng vảy mục không thể khỏi được. Ngồi cong lưng làm mệt phổi: người bệnh có thể bị sưng phổi mà chết được. Tôi hơi xúc động. Tuy tàn tật nhưng má tôi còn khỏe mạnh. Nhưng dẫu sao má tôi cũng đến cõi rồi.

Bost đã báo cho em tôi biết. Tôi nói chuyện qua điện thoại với dì nó rất lâu. Dì nó bảo tôi: “Em vẫn lo sẽ xảy ra như thế này”. Khi ở Alsace dì nó đã thấy má tôi già và yếu quá, dì nó đã phải bảo Lionel: “Chắc má không qua được mùa đông này”. Một đêm má tôi thấy đau đớn dữ dội, đã tưởng phải đưa đi nhà thương. Nhưng sáng hôm sau lại khỏi. Và khi đánh xe đưa về, má tôi bảo rằng rất vui vẻ, lên ở với con, má tôi lấy lại được sức khỏe và tươi tỉnh lắm. Tuy nhiên, vào giữa tháng Mười, khoảng mười ngày trước khi bị nạn, Francine Diato đã gọi dì nó bảo rằng: “Tôi vừa dùng cơm với cụ nhà. Tôi thấy cụ yếu mệt lắm nên muốn nói cho chị biết”. Dì nó nói thác có việc đến Ba-lê đưa mẹ đi chiếu điện. Xem xét ảnh chiếu điện, bác sĩ cả quyết rằng: “Không có gì đáng lo cả. Trong ruột nổi lên cái gì như một cái túi, có chất dơ, làm đồ ăn đi qua rất khó khăn. Mấy lại cụ nhà ăn ít quá, có thể thiếu chất bổ dưỡng nhưng không đến nỗi nguy hiểm”. Ông khuyên

rằng má tôi nên ăn đồ bổ và cho thứ thuốc mới rất mạnh. Dì Poupette bảo tôi: “Dẫu sao, em cũng vẫn áy náy”. “Em đã khẩn khoản bảo má mượn một người gác đêm. Má không chịu: má không chịu đựng được có người nằm bên cạnh má”. Poupette và tôi đã bàn với nhau để hai tuần nữa dì nó đến ở Ba-lê, lúc tôi dự định đi Prague.

Ngày hôm sau, miệng má tôi vẫn còn méo đi, nói năng khó khăn. Mi mắt dài che lên mắt, lông mày vẫn giứt. Cánh tay phải hồi hai mươi năm về trước bị gãy vì té xe đạp không được lành hẳn, chuyển ngã mới đây làm đau cánh tay trái, chỉ cử động được chút ít. May mà được săn sóc chu đáo. Phòng má tôi trông ra vườn, xa tiếng ồn ào thành phố. Người ta đổi chỗ chiếc giường nằm, để theo dọc bức tường, ngang tầm cửa sổ, để có thể đưa tay với được máy điện thoại treo tường. Mình tựa lên gối, má tôi gần như ngời: không làm cho mệt phổi. Nệm bơm hơi có máy điện chạy làm rung rinh để thoa nắn bắp thịt: như vậy có thể tránh được cho da khỏi đóng vảy mục. Một y sĩ vận động khoa mỗi buổi sáng đến làm cử động hai cẳng chân. Có lẽ thoát được những hiểm họa mà Bost nói cho biết. Giọng ngái ngủ, má tôi bảo tôi rằng có mụ hầu buồng đến cắt thịt cho và hầu ăn, bữa cơm rất ngon miệng. Ở nhà thương Boucicaut, người ta chỉ cho ăn dồi lợn với khoai tây! “Người bệnh mà ăn dồi lợn!”. Má tôi nói nhiều hơn hôm trước. Má tôi muốn bù lại hai giờ lo sợ, bò lê dưới đất, không biết có với được máy nói và kéo lại gần mình không. Một hôm tôi bảo bà Marchand cũng sống độc thân: “May mà còn có điện thoại”. Bà trả lời: “Nhưng còn phải làm thế nào cầm được máy điện thoại”. Với một giọng nghiêm trọng, má tôi nhắc đi nhắc lại những tiếng sau và nói thêm: “Nếu không với được tới nơi thì mình đã chết rồi”.

Má tôi có thể la lớn để người ngoài nghe tiếng chẳng? Chắc là không rồi. Tôi tưởng đến nỗi thất vọng của má tôi. Má tôi tin có trời; nhưng mặc dù đã già nua, tàn tật, đau ốm, má tôi vẫn bám chặt lấy cõi trần, đối với cái chết, má tôi có cái sợ sệt của phàm nhân. Má tôi có kể với dì nó một giấc mơ thường xảy đến nhiều lần: “Họ đuổi má, má chạy, má đụng vào tường; má phải nhảy qua tường rồi không biết đằng sau có gì; má sợ quá”. Má tôi

cũng nói: “Má không sợ chính cái chết: má sợ phải nhảy qua cái gì mới chết được”. Khi bò trên sàn nhà, má tôi tưởng đã đến lúc phải nhảy. Tôi hỏi: “Chắc lúc té má đau lắm?” – Không. Má không nhớ. Má cũng không thấy đau”. Tôi nghĩ thầm, vậy là má tôi đã chết giấc. Má tôi nhớ lại thấy người choáng váng; và nói thêm rằng mấy hôm trước, khi uống thuốc mới, má tôi thấy căng như muốn sụm xuống: vừa kịp lúc nằm dài xuống giường. Cô em họ Marthe Cordonnier mang lại giùm mấy lọ thuốc của má tôi và ít đồ nhật dụng, tôi nhìn những lọ thuốc một cách ngờ vực. Má tôi định tiếp tục uống thuốc ấy: không biết có nên không?

Bác sĩ B đến thăm vào buổi chiều, tôi theo ông ra ngoài hiên; ông nói: khi khỏi rồi má tôi cũng đi lại được như trước: “Má có thể sống như ngày trước”. Ông ta có nghĩ rằng mẹ tôi bị chết ngất chẳng? Ông ta không nghĩ gì cả. Ông ta có vẻ bối rối khi tôi cho ông biết rằng mẹ tôi có bệnh ở ruột. Nhà thương Boucicaut cho biết gãy đầu xương đùi và ông ta cũng không nghĩ đến bệnh gì khác. Ông ta sẽ đưa mẹ tôi đi khám bác sĩ nội khoa.

Tôi bảo má tôi: “Má sẽ đi lại được cũng như trước má có thể trở lại đời sống bình thường – Thôi! Không bao giờ má trở lại căn nhà ấy nữa. Dù có thể nào chẳng nữa tao cũng không muốn trông thấy căn nhà ấy”.

Cái nhà ấy ư! Má tôi vẫn lấy làm hãnh diện mà! Má tôi đã phát sốt phát rét vì căn nhà ở phố Rennes, cha tôi về già trở nên u uất đã làm vang tiếng gậy gồng. Ba tôi mất, được ít lâu bà tôi cũng mất theo, má tôi muốn dứt đoạn với những kỷ niệm cũ. Mấy năm trước một người bạn của má tôi ở một cái xưởng vẽ, má tôi khoái trá vì phong vị kim thời đó. Vào năm 1942 ai ai cũng biết thuê nhà rất dễ, má tôi có thể thực hiện được giấc mộng: cụ thuê được một cái studio có phòng lớn ở đường Blomet. Má tôi bán căn phòng giấy bằng gỗ lê đã sạm đen, phòng ăn kiểu Henri II, cái giường cưới, cái dương cầm có đuôi; chỉ giữ lại đồ đạc khác và cái thảm đỏ cũ. Má tôi treo những bức họa của em tôi lên tường. Trong phòng ngủ má tôi kê một cái đi-văng. Bấy giờ má tôi lên xuống cầu thang trông rất nhanh nhẹn. Thực ra tôi thấy chỗ ở đó không thú vị lắm: ở tầng lầu hai, không sáng sủa mấy dù có những cửa kính lớn. Những phòng ở tầng trên – buồng,

bếp, phòng tắm – đều tối om. Má tôi vẫn ở đấy từ khi mỗi bước trên cầu thang làm cụng rên một tiếng. Qua hai mươi năm, tường, đồ đạc, thậm chí cái gì cũng ố bẩn và cũ đi. Má tôi đã tính lui về ở một nhà dưỡng lão, thì năm 1960 căn nhà đổi chủ, má tôi đã tưởng bị trục xuất. Má tôi không kiếm được cái nhà nào ưng ý, vả lại cụ quyến luyến nơi mình vẫn sống. Biết rằng người ta không có quyền đuổi mình, má tôi ở lại đường Blomet. Nhưng bây giờ, bạn bè và cả tôi nữa muốn tìm một nhà dưỡng lão khang trang để má tôi ở. Khi khỏi bệnh, tôi bảo má tôi: “Con hứa với má, má không phải trở lại căn phố đường Blomet nữa.”

Ngày Chủ nhật, má tôi vẫn còn hai mắt lim dim, trí nhớ lu mờ, tiếng nói rỉ từ miệng ra từng giọt quánh sệt, má tôi lại kể cho nghe nỗi đau khổ của mình. Tuy nhiên, cũng có cái gì an ủi: má tôi đã được nằm bệnh viện này và cụ khen ngợi một cách quá đáng. “Ở nhà thương Boucicaut, chắc họ đã mổ từ hôm qua! Đây có lẽ là bệnh viện hay nhất ở Ba-lê”. Hình như sự tán thưởng đối với má tôi chỉ toàn vẹn khi kèm theo một sự chê bai, má tôi bèn ám chỉ một bệnh viện khác gần đấy mà nói thêm: “Ở đây hơn bệnh viện G nhiều. Người ta bảo rằng bệnh viện G không ra gì cả!”.

Ngày thứ hai má tôi bảo: “Đã từ lâu má không ngủ được”, sắc diện má tôi trở lại bình thường, tiếng nói gọn, mắt nhìn rõ. Trí nhớ đã có mạch lạc, thứ tự. “Ta phải gửi hoa đến cho bà bác sĩ Lacroix”. “Để con gửi cho”. “Còn những thầy cảnh sát? Có thể không tặng người ta cái gì được không?”. Tôi khó lòng can ngăn má tôi được. Má tôi tựa vào gối, nhìn thẳng vào mắt tôi và nói nhất quyết: “Con thấy không, má đã lạm dụng; mà tự làm mình mệt quá: má đã đến cỗi rồi. Trước má vẫn không chịu cho mình là già. Nhưng mình cũng phải nhìn thẳng vào cuộc sống chứ, trong vài ngày nữa là bảy mươi tám rồi đây, già lắm rồi. Thôi mình cũng phải liệu chứ. Ta sắp giờ một trang sách.”

Tôi nghĩ về má tôi mà khen ngợi má tôi. Lâu nay má vẫn khẳng khái cho là mình còn trẻ. Một hôm người con rể nói một câu vụng về, má tôi tức giận mà cãi lại: “Tôi biết, tôi biết rằng tôi đã già, như thế cũng đủ khó chịu rồi: từ rày xin đừng ai nhắc đến nữa”. Vặt vờ trong đám sương mù đã từ ba

ngày nay, bất thần má tôi có sức để dẫn mình vào tuổi bảy mươi tám, sáng suốt và cả quyết.

“Ta sắp giờ một trang sách.”

Má tôi đã can đảm lạ lùng mà giờ một trang sách khi ba tôi mất. Bảy giờ má tôi đau khổ mãnh liệt. Nhưng không để mình sa lầy trong quá khứ. Nhân dịp thấy lại tự do, má tôi xây dựng lại một cuộc đời theo ý muốn. Ba tôi không để lại cho má tôi xu nào mà má tôi đã năm mươi tư tuổi. Má tôi đi thi, tập việc, lấy được mảnh bằng để đảm nhận việc phụ tá thủ thư trong một tổ chức Hồng Thập Tự. Má tôi học đi xe đạp lại để đi đến bàn giấy. Hết thời chiến tranh, má tôi tính nhận việc về may ở nhà. Bảy giờ tôi đã có thể giúp đỡ má tôi được. Nhưng cụ không chịu ăn không ngồi rồi. Má tôi ưa sống theo sở thích của mình nên nghĩ ra rất nhiều sự bận rộn. Má tôi giúp việc không lương cho thư viện của một viện phòng bệnh ở ngoại ô Ba-lê, rồi sau cho thư viện của một câu lạc bộ Công giáo trong khu phố. Má tôi ưa cầm đến sách vở, bao sách, xếp loại, ghi phiếu, chỉ dẫn cho người đọc. Má tôi học tiếng Đức, tiếng Ý, trau dồi tiếng Anh. Má tôi thuê thừa trong các trường nữ công, tham dự vào những việc từ thiện, đi nghe diễn thuyết. Má tôi kết giao với nhiều bạn mới, trở lại thân thiện với thân bằng cố hữu đã xa lánh gia đình tôi vì cha tôi buồn rầu lặng lẽ. Má tôi vui vẻ họp bạn trong phòng lớn của mình. Bảy giờ đến lúc má tôi có thể thỏa mãn được một trong những sở thích mà cụ cố làm cho kỳ được: đi du lịch. Má tôi “thăng chân” vật lộn với bệnh liệt khớp xương làm cứng hai chân. Má tôi đến thăm dì nó ở Vienne, ở Milan. Đến mùa hè cụ đi son sòn qua các phố ở Florence, ở Rome. Cụ thăm các viện bảo tàng ở Bỉ, ở Hòa Lan. Gần đây má tôi đã gần tê liệt nên không đi đó đi đây nữa. Nhưng khi bạn bè hay chị em họ rủ đi chơi tỉnh nhỏ hay vùng thôn dã thì không gì ngăn cản được má tôi cả. Cụ không ngần ngại nhờ nhân viên hỏa xa dắt lên xe hỏa. Sự vui thích nhất của má tôi là đi xe hơi. Mới đây, Catherine, người cháu gái, đưa má tôi đến Meyrignac bằng xe hai ngựa, đi hơn 450 cây số về đêm. Má tôi bước xuống xe tươi tỉnh như một đóa hoa.

Tôi phải thán phục sinh lực của má tôi và tôi kính trọng má tôi là người cương nghị. Tại sao khi nói năng được, má tôi lại nói những lời làm tôi phải xót xa? Nhớ lại đêm ở nhà thương Boucicaut má tôi bảo: “Đàn bà bình dân, con biết họ thế nào chứ: Họ kêu khóc”. “Trong nhà thương nữ y tá chỉ làm vì đồng tiền. Thế thì...”. Đó là những câu ở cửa miệng, nói không nghĩ cũng như thở vậy, nhưng đầu sao cũng có liên hệ với lương tâm: không thể nghe thấy mà không bồn chồn. Tôi buồn rầu vì sự tương phản giữa sự thật về thể xác đau yếu của má tôi và những chuyện vãn vơ nhỏ mọn chứa chất trong đầu óc ấy.

Bà y sĩ vận động khoa đến gần giường, bỏ khăn trải nệm, nắm lấy chân trái má tôi: áo lót mình bỏ ngỏ, má tôi thản nhiên phơi cái bụng nhăn nheo những vết nhỏ. Má tôi kinh ngạc mà rằng: “Má không còn biết thẹn thùng nữa” – “Thật thế má à”. Tôi trả lời rồi quay đi, tôi để ý ngắm cái vườn. Nhìn vào bụng mẹ, điều ấy đã xúc động tôi. Không một thân thể nào lại ít hiện hữu trong tôi bằng má tôi – mà lại hiện hữu nhiều bằng má tôi. Lúc thơ ấu, tôi yêu quý người má tôi; lớn lên người, má tôi làm cho tôi ngại ngùng muốn tránh, cái đó là thường; và tôi cho là thường nếu bây giờ người má tôi vẫn còn giữ hai tính chất ghê tởm và thiêng liêng: đó là một sự cấm kỵ. Dù sao tôi cũng ngạc nhiên rằng tôi khó chịu quá sức như thế. Má tôi thản nhiên bằng lòng để người ta làm thế, tôi càng thêm khó chịu; má tôi không giữ những điều cấm đoán, những thói phép đã đè nặng lên mình suốt đời; tôi tán thành. Nhưng cái thân mình ấy, bất thần từ khước hết cả, chỉ còn lại là một cái thân xác chẳng khác gì một cái tử thi. Cái thân xác khổ nhục không còn biết chống cự, để cho những bàn tay chuyên nghiệp sờ mó, thoa nắn, sự sống hình như một thứ nọ tính ngu độn kéo dài ra. Đối với tôi thì mẹ tôi vẫn còn hiện hữu, chưa bao giờ tôi nghĩ rằng lại có ngày mẹ tôi chết đi. Lúc chết cũng như lúc sinh của má tôi thuộc về một thời gian huyền ảo. Khi tôi tự nhủ: má đã đến tuổi mệnh chung, đó chỉ là những danh từ trống rỗng, cũng như nhiều danh từ khác. Lần đầu tiên, tôi thấy má tôi là một cái tử thi chưa thành.

Sáng hôm sau, tôi đi mua áo sơ-mi mặc đêm theo lời nữ y tá: phải là áo ngắn nếu không cộm dưới mông sẽ làm cho đóng vảy mủ. Người bán hàng hỏi: “Bà muốn áo đêm ngắn, áo kiểu búp bê?”. Tôi mê những quần áo cũng phù phiếm như tên gọi nó, màu sắc dịu dàng, êm nhuyển để cho những người vui vẻ trẻ trung. Hôm ấy là một ngày đẹp trời, về mùa thu, trời xanh ngắt: tôi đi qua một thế giới xám màu chì và tôi hiểu rằng mẹ tôi lâm nạn đã làm tôi xúc động hơn tôi dự đoán trước. Tôi không hiểu tại sao. Vì tai nạn ấy mà mẹ tôi không còn là người mẹ ở trong khung cảnh, vị thế và hình ảnh mà tôi vẫn giữ yên trong tâm trí không thay đổi. Tôi nhận biết mẹ tôi nằm trên giường bệnh đó, nhưng tôi không nhận biết được sự thương xót và một thứ bối rối mà tình huống đó đã khơi động lên. Sau tôi quyết định lựa sơ-mi ba phần tư màu hồng, hoa trắng.

Bác sĩ T có trách nhiệm trông coi tình trạng chung của sức khỏe mẹ tôi cũng đến thăm trong khi tôi ở đấy. “Hình như cụ ăn được ít lắm thì phải? – Mùa hè này tôi buồn lắm. Tôi không có can đảm để ăn uống gì – Cụ có ghét nấu bếp không? – Nghĩa là... Tôi làm những món ăn thật ngon: rồi tôi không ăn miếng nào – A! Như vậy không phải là lười biếng: cụ tự nấu lấy những món ăn ngon à?”. Má tôi suy nghĩ: “Một lần tôi làm một món chiên có phó-mát: ăn hai muỗng nhỏ rồi bỏ cả. – Tôi hiểu rồi”. Y sĩ nói thế rồi ra về thông cảm mà đi ra.

Bác sĩ J, giáo sư B, bác sĩ T, ăn mặc nghiêm trang, đầu thơm phưng phức, sạch sẽ thơm tấy; họ từ trên cao cúi xuống nhìn bà cụ già đầu tóc rối bù, mặt mày ngơ ngác; những ông lớn cả. Tôi biết rõ vì sao có sự trịnh trọng phù phiếm ấy: các quan tòa đại hình trước mặt một bị can, bị can có thể mất đầu như chơi. “Cụ tự nấu lấy những món ăn ngon à?”. Không có gì đáng mỉm cười khi má tôi có thiện chí tự vấn tâm: má tôi đã đem sức khỏe mình ra đánh cược. Lấy tư cách gì bác sĩ B dám nói với tôi: “Cụ có thể trở lại sống bình thường.”? Tôi khước từ phương pháp của ông. Khi con người thượng lưu trong mẹ tôi nói, tôi cưỡng lại; nhưng tôi thấy tôi hợp với người già tàn tật nằm liệt giường đang chiến đấu để đẩy xa sự tê liệt, sự chết.

Trái lại, tôi có thiện cảm với các cô y tá; họ gần gũi với người bệnh vì quen với những việc dơ dáy, nhọc nhãi cho người bệnh, ghê tởm cho họ, ít ra việc họ để ý đến người bệnh cũng có vẻ thân hữu bề ngoài. Cô Laurent, y sĩ vận động khoa, trẻ, đẹp, giỏi, biết khuyến khích má tôi, làm cho má tôi yên lòng và tin tưởng mà không bao giờ tỏ ra mình hơn người.

Bác sĩ T kết luận: “Đến mai cụ sẽ chiếu điện”. Má tôi bối rối: “Thế phải uống một thứ thuốc rất khó uống! – không đến nỗi khó uống lắm – Khó uống chứ!”. Lúc còn một mình tôi, má tôi rên rỉ: “Con không biết chứ nó khó uống lắm! Mùi vị thật kinh khủng! – Má đừng nghĩ đến trước như vậy”. Nhưng má tôi không thể nghĩ đến cái gì khác. Từ ngày vào bệnh viện, đối với má tôi chỉ có việc ăn uống là quan trọng hơn cả. Tôi cũng ngạc nhiên rằng má tôi lo lắng như con nít vậy. Má tôi đã từng chịu đau đớn không hề nhả mặt. Việc sợ thuốc đắng có che giấu một sự khắc khoải sâu xa hơn không? Lúc này tôi chưa tự hỏi xem thế nào.

Hôm sau họ cho tôi biết rằng chiếu điện dạ dày, phổi được trôi chảy, không có gì trắc trở. Sắc mặt thư thái, mình mặc sơ-mi hồng hoa trắng và cái áo đọc sách của Olga cho mượn, tóc bện lại thành một cái bím lớn, mẹ tôi không ra vẻ một người bệnh. Đã cử động được tay trái, mẹ tôi mở nhật trình, mở quyển sách, cầm máy điện thoại không phải nhờ ai. Thứ tư. Thứ năm. Thứ sáu. Thứ bảy. Mẹ tôi chơi ô chữ, đọc một cuốn sách về mối tình của Voltaire và một truyện của Jean de Levy kể lại cuộc thám hiểm Ba-tây, giờ tờ Figaro, tờ France-Soir. Mỗi buổi sáng tôi đều đến, tôi chỉ ở lại một hai giờ, má tôi cũng không mong giữ tôi ở lại lâu hơn, cụ tiếp rất nhiều khách và thỉnh thoảng than phiền: “Hôm nay lắm khách quá”. Trong phòng đầy hoa: xích-la-men, a-da-lê, hồng, thu mẫu đơn; trên bàn, từng chồng hộp trái cây, súc-cù-là, kẹo. Tôi hỏi: “Má không buồn chứ? –Ồ, không!”. Má tôi khám phá ra cái vui thích được hầu hạ, chăm chút, vuốt ve. Trước kia má tôi phải cực nhọc lắm mới bước qua được thành bồn tắm, mà phải đỡ chân bằng cái ghế đầu, xỏ được đôi bít-tất vào là người đau ê ẩm. Bây giờ sáng và tối đã có người nữ khán hộ thoa nước hoa và phấn talc. Cơm nước do người làm để vào mâm thơm tất: “Có người nữ y tá làm tao bức mình.

Nó hỏi tao bao giờ thì ra. Nhưng tao không muốn ra”. Khi người ta cho biết má tôi sắp được ngồi vào ghế bành và sẽ chuyển sang một gian đường sức, cụ sa sầm nét mặt: “Họ sẽ lôi kéo xô đẩy mình”. Tuy nhiên, có lúc má tôi để ý đến tương lai. Một người bạn chỉ cho biết một nhà dưỡng lão cách Ba-lê độ một giờ, má tôi ra vẻ thiếu não mà kêu: “Sẽ không có ai đến chơi, tao phải thui thủi một mình!”. Tôi phải nói cho má tôi yên dạ là má tôi không phải sống trơ trọi, tôi đưa cho coi danh sách những địa chỉ đã thu lượm được. Má tôi tưởng tượng ngay ra mình ngồi đọc sách hay thêu thùa dưới ánh nắng trong vườn hoa một viện dưỡng lão ở Neuilly. Má tôi lại bảo tôi, hơi ra vẻ luyến tiếc, nhưng cũng có vẻ ranh mãnh: “Trong khu phố, chắc họ nhớ má. Mấy bà ở câu lạc bộ, vắng má chắc họ cũng buồn”. Một lần, má tôi nói “Má đã sống nhiều cho người khác. Bây giờ má sẽ như những bà già ích kỷ chỉ biết sống cho mình”. Một điều làm má tôi lo ngại: “Mình sẽ không còn tự mình rửa ráy chăm nom cho mình được nữa”. Tôi vội an ủi: “Đã có một người hầu, một cô nữ y tá làm hộ. Trong khi chờ đợi má hãy nghỉ ngơi cho thỏa thích trong “bệnh viện sang nhất Ba-lê, hơn bệnh viện G nhiều”. Người ta chạy chữa cẩn thận từng ly từng tí. Ngoài việc chiếu điện còn nhiều lần thử máu, cái gì cũng bình thường. Đến tối má tôi hơi sốt, tôi muốn biết tại sao, nhưng các cô y tá hình như không cho là quan trọng.

Ngày chủ nhật, má tôi nói: “Hôm qua, tiếp nhiều khách quá, má hơi mệt”. Má tôi kém vui. Nữ y tá thường ngày đều nghỉ, cô mới vào làm đánh đổ bỏ nước tiểu, giường, gối ướt đẫm. Má tôi thường nhắm mắt lại trí nhớ lại lộn xộn. Bác sĩ T không đọc được những bức hình chụp của bác sĩ D, ngày mai lại phải chiếu điện một lại. “Người ta lại rửa ruột bằng baryte, đau lắm, người ta lại xốc xáo, dày vò. Tao muốn họ để cho yên thân!”. Tôi cầm lấy tay má tôi, bàn tay ướt, hơi lạnh: “Má đừng nghĩ đến trước, đừng lo ngại. Lo lắng cũng hại người”. Dần dần má tôi yên tâm, nhưng vẫn yếu hơn hôm trước. Nhiều bà bạn gọi điện thoại tới, tôi trả lời rồi bảo má tôi: “Sao mà mãi không dứt. Bà Hoàng nước Anh cũng không được trọng đãi hơn: Hoa, thư từ, kẹo bánh, rồi điện thoại nữa. Biết bao người nghĩ đến

má!”. Tôi cầm bàn tay nhọc mệt của má tôi, hai mắt cụ nhắm nghiền nhưng cái miệng buồn rầu đã hé một nụ cười: “Người ta yêu má vì má vui vẻ”.

Ngày thứ hai má tôi sẽ có nhiều khách mà tôi thì bận việc quá, mãi sáng thứ ba mới đến được. Tôi đẩy cửa vào rồi đứng sững. Má tôi đã gầy thể còn gầy thêm, thân hình co quắp, nứt nẻ, khô đét, một cảnh nho màu hồng. Giọng nói hơi ngơ ngác, má tôi lầm bầm: “Họ làm người má mất hết nước”. Phải đợi đến chiều mới chiếu điện mà trong hai mươi bốn giờ không được uống nước. Rửa ruột bằng baxyte không đến nỗi đau đớn, nhưng khát nước và lo lắng đã làm má tôi mệt nhoài. Nét mặt má tôi đã rã rượi, sự khổ cực còn làm cho co rúm lại. “Chiều điện thấy thế nào các cô?”. Mấy cô y tá kinh ngạc trả lời “Chúng tôi không biết coi”. Tôi đến thăm bác sĩ T. Lần này cũng không rõ vết tích gì; theo ông thì không có chỗ thịt sưng thành cái “túi”, nhưng ruột bị thắt lại, vì nguyên do thần kinh ruột quặn làm cho không tác động được từ hôm qua. Tuy rằng mẹ tôi một mực lạc quan, nhưng mẹ tôi là người nóng nảy, tư lự, điều đó cắt nghĩa tại sao má tôi hay giật gân. Tiếp khách vất vả quá, má tôi phải bảo tôi gọi điện thoại xin thôi không mời cha P, ông cha rửa tội. Má tôi nói ít và không hề mỉm cười.

“Chiều mai con lại nhé má!”. Tôi chào má tôi rồi đi ra. Đêm ấy dì nó tới, sáng hôm sau vào bệnh viện. Chín giờ tối, chuông điện thoại kêu. Đó là bác sĩ B. “Bà có bằng lòng cho tôi để một người gác đêm gần cụ không? Cụ yếu lắm. Bà định chiều mai đến à, có lẽ nên đến buổi sáng thì hơn”. Sau cùng ông cho biết là có một chỗ sưng làm bế tắc ruột: một cái ung thư.

Ung thư. Người ta cũng cảm thấy. Mà lại còn rành rành trước mắt nữa; mắt quàng, người ốm nhom. Nhưng thầy thuốc của má tôi đã gạt giả thuyết ấy đi. Cái đó cũng không lạ: cha mẹ vẫn là người cuối cùng công nhận rằng con mình điên, con cái cũng là người cuối cùng công nhận rằng mẹ mình ung thư. Chúng tôi càng ít tin vì suốt đời má tôi sợ ung thư. Năm bốn mươi tuổi, nếu má tôi va ngực vào bàn, má tôi hốt hoảng: “Tao sợ ung thư vù quá!”. Mùa đông mới rồi, một người bạn của tôi phải mổ ung thư dạ dày: “Rồi má cũng mắc bệnh ấy”. Tôi nhún vai: “Từ bệnh ung thư đến bệnh hư ruột trị bằng mứt me khác nhau nhiều”. Chúng tôi không thể tưởng tượng

được điều ám ảnh mẹ tôi lại có thể đúng với sự thực. Tuy nhiên, sau này thì nó mới nói – Francine Diato đã nghĩ đến ung thư: “Tôi biết cái bộ dạng ấy, cái mùi ấy”, thì nó nói thêm như vậy. Tất cả đều sáng lờ ra. Ở Alsace, má tôi khó ở vì cái ung thư đó. Cũng cái ung thư làm má tôi chết ngất và ngã quỵ. Hai tuần nằm liệt giường, ruột bị đe dọa từ lâu nay tắc nghẹt.

Poupette gọi điện thoại cho má nhiều lần, tưởng rằng má khỏe khoắn rồi. Thì nó thân với mẹ hơn nên quyến luyến hơn. Tôi không thể để nó đến bệnh viện bất thần thấy mẹ có bộ mặt người hấp hối. Thì nó vừa tới bằng xe hỏa, tôi vội gọi điện thoại đến nhà Diato để nói chuyện với nó. Thì nó đã ngủ rồi: lúc dậy sẽ kinh hãi biết bao!

Ngày thứ tư mừng sáu tháng một này có cuộc đình công ngành vận tải, hơi đốt và điện lực. Tôi đã nhờ Bost đưa xe đến đón tôi. Đến nơi, giáo sư B lại gọi điện thoại cho tôi: má tôi nôn mửa suốt đêm, chắc không qua khỏi được ngày hôm nay.

Phố xá không đến nỗi kẹt xe như tôi tưởng. Đến mười giờ tôi gặp Poupette đứng trước cửa phòng 114. Tôi nhắc lại lời giáo sư B. Thì nó cho tôi biết rằng từ sáng nay, bác sĩ N ráng làm cho má tôi hồi sinh; ông ta sẽ thông một cái ống qua mũi để rửa dạ dày. Poupette khóc sụt sùi: “Nếu biết không thể cứu được thì làm khổ má để làm gì? Để má chết được yên ổn”. Tôi dắt Poupette đến chỗ Bost đứng đợi ngoài phòng khách để anh đưa đi uống ly cà phê. Bác sĩ N đi qua, sắp vào phòng, tôi ngăn lại: ông ta mặc áo choàng trắng, đội ca-lô trắng, người còn trẻ, ra vẻ kín đáo: “Sao lại phải rửa ruột? Hành hạ má tôi làm gì khi đã hết hy vọng?”. Ông ta nhìn tôi dữ như sấm sét: “Tôi làm cái gì tôi phải làm”. Ông ta đẩy cửa vào. Một lát sau người nữ khán hộ bảo tôi vào.

Cái giường lại để về chỗ cũ, đầu áp vào tường. Bên trái, một cái ống nhỏ giọt nối vào cánh tay má tôi. Một cái ống lát-tích trong suốt từ trong mũi ra, đi qua những máy móc rắc rối rồi thông vào một cái bình. Mũi má tôi cau lại, mặt thêm nhăn nheo, người có vẻ cam chịu để người khác sai khiến. Má tôi lẩm bẩm nói rằng cái ống không làm khó chịu lắm, nhưng

đêm qua đau đớn quá. Khát nước mà không được uống; người nữ y tá đưa gần miệng một cái ống con nhúng vào một ly nước, chỉ được nhấp ướm môi chứ không được nuốt; tôi bị thôi miên bởi cử chỉ mút ống nước, vừa thêm thường vừa rụt rè, môi phớt làn lông tơ phồng lên như hồi tôi còn thơ ấu, má tôi bất bình hay bức tức. “Bà có ưng cho người ta để cái này trong dạ dày cụ không?”. Bác sĩ N nói giọng gay gắt tay chỉ cái bình đầy một chất vàng vàng. Tôi không trả lời. Ra ngoài hành lang, ông ta bảo tôi: “Lúc tang tảng sáng cụ chỉ còn sống được chừng bốn giờ nữa. Tôi đã làm thuốc hồi sinh”. Tôi không dám hỏi ông ta: để làm gì? Y nghiệm của các bác sĩ chuyên khoa. Em tôi đứng gần tôi trong khi một y sĩ và một y sĩ giải phẫu, bác sĩ P, lấy tay nắn bụng mẹ tôi, cái bụng căng phồng, mẹ tôi rên rỉ và kêu la. Tiêm a phien. Mẹ tôi vẫn rên rỉ. Chúng tôi yêu cầu: “Tiêm cho mẹ tôi mũi nữa!”. Họ nói rằng chích nhiều a phien quá đại tiểu trường sẽ bị tê liệt. Như vậy họ hy vọng gì? Vì có cuộc đình công, điện bị cắt, họ gửi máu đi thử nhờ bên bệnh viện Mỹ, bên ấy có máy phát điện riêng. Họ nghĩ đến việc giải phẫu chăng? Không thể được, vì bệnh nhân yếu quá, viên y sĩ giải phẫu đã nói với tôi như vậy lúc đi ra khỏi phòng. Ông đi khỏi thì một bà y tá già, bà Gontrand, nghe rõ chuyện, vội bảo tôi rằng: “Đừng để họ mổ cụ nhà!”. Rồi bà ta để ngón tay lên miệng: “Bác sĩ N sẽ la tôi nếu biết rằng tôi nói với bà như thế! Thật tôi làm như là chính mẹ tôi vậy”. Tôi hỏi bà y tá: “Nếu mổ thì sao?”. Nhưng bà ta đã ngậm kín miệng lại không trả lời tôi.

Má tôi đã thiu thiu ngủ; tôi ghi lại số điện thoại cho Poupette rồi ra đi. Vào khoảng năm giờ, khi dì nó gọi tôi ở nhà Sartre, thì giọng nói tỏ ra có chút hy vọng: “Y sĩ giải phẫu muốn mổ xem sao. Phân tích máu xem ra rất khả quan; má đã có sức lực, tim có thể chịu đựng được. Và chẳng ông ta cũng không biết chắc là bệnh ung thư: có lẽ chỉ là trường hợp sưng phúc mô. Nếu quả vậy thì má may lắm đó. Chị đồng ý chứ? (Không để họ giải phẫu). – Tôi đồng ý. Mấy giờ? – Chị hãy đến vào độ hai giờ. Mình không nói là sẽ mổ mà chỉ nói là chiếu điện lại thôi.”

“Không cho giải phẫu”. Lý lẽ yếu ớt trái với quyết định của một bác sĩ chuyên khoa, trái với hy vọng của dì nó. Nếu má tôi không tỉnh lại thì sao?

Đó không phải là giải pháp dở nhất. Và tôi cũng không cho rằng một bác sĩ lại để đến nỗi thế: má tôi sẽ chịu được cuộc giải phẫu. Giải phẫu sẽ làm cho bệnh nhanh chóng trở nên trầm trọng? Chắc là bà Gontrand muốn nói như vậy. Nhưng ruột đã bị tắc như thế, chắc má tôi không qua được ba ngày, mà tôi e rằng lúc hấp hối sẽ đau đớn lắm.

Một giờ sau, Poupette khóc nức nở ở đầu dây nói: “Chị đến ngay. Họ đã mổ bụng ra; họ thấy một cái ung thư rất lớn”. Sartre xuống dưới đường với tôi, đưa tôi lên tắc-xi đến tận bệnh viện, cổ tôi nghẹn ngào vì lo lắng. Một y tá chỉ cho biết căn phòng đợi ở giữa lối vào và phòng mổ. Em tôi đã có mặt ở đấy. Nom di nó tiều tụy quá, tôi phải xin cho nó một viên thuốc an thần. Em tôi nói rằng các y sĩ đã lấy giọng tự nhiên báo cho má tôi biết sẽ chích mũi thuốc chỉ thống trước khi chiếu điện, bác sĩ N đã đánh thuốc mê; suốt trong lúc chụp thuốc mê Poupette cầm tay má, tôi tưởng tượng ra di nó đã phải đau khổ đến thế nào khi chứng kiến thân hình tàn phá của má tôi để trần truồng. Hai mắt xéch xéo, miệng há hốc: khuôn mặt ấy, chắc không bao giờ nó quên được. Họ đã đưa má tôi vào phòng mổ, một lát sau bác sĩ N bước ra: hai lít mủ trong bụng, phúc mô bị vỡ, một chỗ sưng lớn, một ung thư thuộc loại độc nhất. Bác sĩ giải phẫu còn đang lấy ra tất cả cái gì có thể cắt đi được. Trong khi chúng tôi đợi, cô em họ Jeanne dẫn con gái là Chantal đến; cô ta ở Limoges về và tưởng rằng má tôi nằm yên ổn trên giường bệnh: cháu Chantal mang lại một quyển ô chữ. Chúng tôi tự hỏi không biết phải nói gì khi má tôi tỉnh dậy. Tưởng cũng giản dị lắm: chiếu điện thấy sưng phúc mô và người ta quyết định phải giải phẫu ngay.

Bác sĩ N nói đã đưa má tôi về buồng nằm. Ông ta đã thắng cuộc: buổi sáng má tôi gần như tắt thở, giờ má tôi chịu được một cuộc giải phẫu lâu và quan trọng. Nhờ phương pháp đánh thuốc mê tối tân, tim, phổi và toàn thể các cơ quan đều tác động như thường. Em tôi đã nói với bác sĩ: “Xin ông cứ mổ. Nhưng nếu là ung thư thì xin ông hứa rằng không để mẹ tôi phải đau đớn”. Ông ta đã hứa. Nhưng lời hứa của ông ta có giá trị gì không?

Má tôi nằm ngủ, nằm dán lưng xuống giường, nước da vàng ệnh như màu sáp, mũi cau lại, miệng há hốc. Em tôi và một người gác ở lại với má

tôi. Tôi trở về nhà, tôi nói chuyện với Sartre, chúng tôi nghe nhạc Bartok. Bất thần, đến 11 giờ đêm, nước mắt tôi tràn ra, rồi thần kinh tôi bị xúc động quá mạnh.

Người ngây ngất tê mê. Khi ba tôi mất, tôi không có giọt nước mắt nào. Tôi đã bảo em tôi: “Đối với má, chắc cũng vậy”, cho đến đêm nay, tôi mới hiểu sự đau khổ của tôi: dù rằng mình bị đau khổ đè nặng lên người, mình vẫn hiểu mình qua sự đau khổ ấy. Lần này thì tôi không tự kiểm soát được sự đau khổ, trong người tôi có một người khác đang than khóc. Tôi nói với Sartre qua miệng của má tôi đúng như tôi đã trông thấy sáng hôm nay, tôi nói ra tất cả cái gì tôi có thể nhận thấy: sự thèm thuồng của ngon vật lạ không được thỏa mãn, sự nhún nhường đến gần như đón hèn, niềm hy vọng, sự khốn cực, nỗi cô đơn mà mình không muốn tự thú nhận – cô đơn vì lẽ tử sinh – Sartre đã bảo tôi rằng cái miệng của tôi không nghe theo ý muốn của tôi nữa; tôi đã đặt miệng của má tôi lên mặt tôi và bắt chước điệu bộ của má tôi ngoài ý muốn của tôi. Cả cá nhân của má tôi, cả cuộc đời của má tôi đã thể nhập vào tôi, tôi như bị tước xé vì sự cảm thông đó.

Tôi không cho rằng hồi còn bé má tôi đã sung sướng. Tôi chỉ được nghe má tôi kể lại một kỷ niệm vui: cái vườn của bà tôi trong một làng ở Lorraine, mận vàng và thanh mai ăn ngay trên cây còn nóng hổi. Má tôi không nói đến tuổi thơ ấu ở Verdun. Một cái hình chụp má tôi lúc lên tám hóa trang làm hoa cúc: “Bộ áo má đẹp quá – Phải, đẹp, nhưng bút-tất xanh đã phai màu, màu đã ăn vào da, phải ba ngày sau mới rửa sạch”. Giọng nói của má tôi buồn rầu: má nhớ lại một quá khứ đau khổ. Đã hơn một lần má tôi phàn nàn rằng bà tôi khô khan lạnh nhạt. Đến tuổi năm mươi, bà tôi trở thành một bà già lạnh lùng có vẻ tự cao nữa, ít cười nhưng mắng mỏ thì nhiều và chỉ yêu mến mẹ tôi một cách rất ước lệ; vì tận tâm quá đáng với chồng, con cái chỉ chiếm một địa vị thứ yếu trong đời bà tôi. Nói đến ông tôi, má tôi thường chỉ nói đến với giọng tức tối: “Ông chỉ biết có dì Lili này thôi”. Dì Lili tôi trẻ hơn má tôi năm tuổi, người hồng hào, tóc vàng, dì làm cho mẹ tôi ghen tuông kịch liệt đến nỗi không thể quên được. Đến lúc tôi gần khôn lớn, má tôi cho rằng tôi có đức tính thông minh và đạo đức, má tôi đồng hóa mình với tôi; má tôi sỉ nhục và hạ thấp em tôi: nó là em, da dẻ lại hồng hào, tóc vàng. Thật là má tôi không ngờ rằng đã nhắm vào con thứ để báo thù cho cảnh ngộ mình hồi còn tằm bé.

Má tôi lấy làm hãnh diện mà nói đến trường nhà tu và Bề Trên Giám Đốc rất yêu mến mình. Điều đó an ủi lòng tự ái của má tôi. Má tôi đưa cho xem một bức ảnh trường học: sáu nữ sinh ngồi giữa hai bà phước trong một khu vườn. Có bốn người nội trú mặc đồ đen, hai người ngoại trú mặc đồ hắng: mẹ tôi và một người bạn gái. Cả hai đều choàng khăn, váy dài, búi

tóc nghiêm trang. Hai mắt không lộ vẻ gì cả. Má tôi bước vào đời, bó chặt mình trong những nguyên tắc nghiêm ngặt: lễ độ theo quan niệm ở tỉnh lẻ, đạo đức nhà tu.

Đến năm hai mươi tuổi, má tôi lại qua một cơn thất vọng tâm tình: má tôi yêu một người anh em họ xa, nhưng người này lại yêu cô tôi là Germaine. Vì những thất vọng đó mà trong thâm tâm má tôi suốt đời dễ động lòng, hay oán hờn.

Ở gần cha tôi, má tôi đã thêm cởi mở. Má tôi yêu dấu, thán phục cha tôi, chắc rằng trong mười ba năm, ba tôi đã hậu đãi má tôi về thể chất. Ba tôi cứng đàn bà, ông cũng qua nhiều cuộc phiêu lưu tình ái, ông đọc Marcel Prévost một cách thích thú và cũng nghĩ như nhà văn này rằng đối với vợ trẻ, tình yêu phải nồng nàn như đối với cô nhân tình. Mặt má tôi với đám lông tơ trên môi để lộ sự nồng nàn tình dục. Ba má tôi ăn ý với nhau dễ nhận thấy quá: ba vuốt ve tay má, nịnh nọt, nói những lời âu yếm nhũn tai. Khi tôi mới sáu bảy tuổi, một buổi sáng tôi thấy má tôi chân đi đất, đứng trên tấm thảm đỏ ngoài hành lang mình mặc áo đêm dài lượt thướt bằng vải trắng; tóc xõ từng lọn xuống gáy, tôi phải chú ý vì nụ cười rạng rỡ đối với tôi có liên lạc bí hiểm với căn phòng má tôi vừa bước ra; thật tôi khó mà nhận biết trong thân hình ấy người mẹ trang nghiêm đáng kính của mình.

Nhưng không có gì phá hoại cuộc đời thơ ấu của chúng tôi. Hạnh phúc của má tôi không phải là không ám mây. Từ cuộc đi chơi trăng mật, tính ích kỷ của ba tôi đã bùng ra, má tôi muốn đi thăm những hồ bên Ý: hai người dừng lại ở Nice, ở đấy vừa mở hội đua ngựa. Má tôi thường nhắc lại sự bất mãn ấy, không có ý oán giận, nhưng không khỏi hối tiếc. Má tôi thích du lịch. “Má muốn làm một nhà thám hiểm”. Những lúc vui sướng nhất trong tuổi thanh niên là những cuộc đi chơi bằng xe đạp hay đi bộ đến miền Vosges và Luxembourg do ông tôi tổ chức. Má tôi phải bỏ nhiều giấc mộng: ý thích của ba tôi vẫn phải đi trước ý thích của má tôi. Má tôi không đi lại với bạn gái nữa vì thấy chồng họ không vui vẻ. Ba tôi chỉ thích được thỏa thích trong các phòng khách và trong các buổi ca nhạc. Má tôi vui vẻ mà đi theo, bà cũng thích giao thiệp. Sắc đẹp của má tôi không giữ được

cho má tôi tránh khỏi hiểm khích: má tôi ở tỉnh nhỏ và không được thanh lịch lắm; giữa xã hội Ba-lê, người ta mỉm cười vì sự ngượng ngập của má tôi. Má tôi gặp một vài bà đã có liên lạc với ba tôi và tôi có thể tưởng tượng ra những sự bàn tán xầm xì, những sự thâm hiểm. Cha tôi giữ lại trên bàn giấy ảnh người tình cuối cùng, một người xinh đẹp và lịch sự, thanh thoát cùng chồng đến chơi. Ba mươi năm sau, ba tôi cười mà bảo: “Mình đã thủ tiêu bức ảnh ấy phải không?”. Má tôi chối, nhưng không làm được cho ba tôi tin. Điều chắc chắn là giữa tuần trăng mật, mẹ tôi đã đau khổ vì tự ái và tình yêu của mình bị xúc phạm. Mẹ tôi là người mạnh bạo và để hết mình vào một chuyện gì cho nên vết thương không lành.

Rồi ông tôi phá sản. Má tôi cho rằng mình mất danh giá nên không giao thiệp với thân bằng cố hữu ở Verdun. Món hồi môn hứa cho má tôi cũng không có. Ba tôi không để tâm đến điều ấy nên mẹ tôi khâm phục là người cao thượng, suốt đời bà thấy mình có lỗi với chồng.

Dầu sao cuộc hôn nhân cũng thành công, hai đứa con yêu mến mẹ, trong nhà cũng phong lưu; cho đến hết thời chiến, mẹ tôi không phải than thở về số phận. Mẹ tôi dịu hiền, vui vẻ, nụ cười làm tôi sung sướng.

Khi cảnh ngộ ba tôi thay đổi, chúng tôi sống gần như nghèo nàn, mẹ tôi định xốc vác việc nhà không mượn người làm. Khốn thay, việc nhà nặng nhọc, mẹ tôi đã tưởng không kham nổi. Mẹ tôi có thể quên mình hân, sống cho ba tôi, cho chúng tôi. Nhưng không ai có thể nói: “Tôi tự hy sinh” mà không thấy chua chát. Một trong những sự mâu thuẫn của mẹ tôi là mẹ tôi tin tưởng vẻ cao thượng của sự hy sinh, nhưng mẹ tôi cũng có những sở thích, những điểm mình ghét bỏ, những ham muốn cấp bách, nên không thể gạt hết những điều thôi thúc mình. Mẹ tôi luôn luôn nổi loạn chống lại những câu thúc, những sự thiếu thốn tự mình muốn đặt ra cho mình.

Đáng tiếc rằng thành kiến ngăn cản không cho má tôi tìm những giải pháp mà hai mươi năm sau mẹ tôi chấp nhận: làm việc ở ngoài. Kiên trì, có lương tâm nghề nghiệp, có trí nhớ tốt, mẹ tôi có thể bán sách, làm thư ký. Như vậy mẹ tôi có thể quý trọng mình hơn là cảm thấy mình kém sút. Mẹ

tôi sẽ có bạn giao du riêng của mình. Mẹ tôi có thể tránh được sự lệ thuộc mà vì thói tục, mẹ tôi cho là lẽ thường, nhưng nó không hợp với tính tình của mẹ tôi. Hẳn là mẹ tôi chịu đựng được dễ dàng hơn sự tước đoạt đã xảy ra cho đời sống mẹ tôi.

Tôi không chê trách gì ba tôi. Người ta biết rằng thói quen giết chết ý muốn của con người. Mẹ tôi bỏ mất cái tươi trẻ buổi ban đầu, ba tôi không còn bông bột. Muốn thức tỉnh sự bông bột đó, cha tôi vờ đến mấy cô nhà nghề trong quán cà phê ở Versailles hay nhà chứa Sphinx. Khi tôi còn mười lăm, hai mươi tuổi, đã hơn một lần tôi thấy ba tôi tám giờ sáng mới về nhà, sặc sụa mùi rượu, kể lể những chuyện đánh bài bờ-rít với xì-phé một cách lúng túng. Má tôi không làm rầy rà, có lẽ má tôi tin vì má tôi muốn tránh xa những sự thực khó chịu. Nhưng má tôi không chịu đựng được sự lãnh đạm. Nếu hôn nhân trường giả là một chế độ trái thiên nhiên, thì trường hợp mẹ tôi đủ thuyết phục tôi. Nhấn cười đeo vào ngón tay cho phép mẹ tôi biết khoái lạc; rồi sự đòi hỏi cũng gắt gao; đến năm ba mươi lăm tuổi, vào lúc tuổi đầy sinh lực, má tôi không được thỏa mãn. Má tôi vẫn ngủ bên cạnh người chồng yêu dấu nhưng gần như không đụng tới mình: má tôi hy vọng và chờ đợi đến héo hắt nhưng không được thỏa mãn. Thà rằng thôi hẳn lại không làm tổn thương tự ái bằng sự gần gũi như thế. Tôi không lạ rằng tính tình má tôi gắt gỏng: tát tai, la rầy, chửi bới, không những ở trong nhà mà cả khi có khách. Ba tôi bảo: “Françoise cục như chó”. Má tôi công nhận rằng mình gắt gỏng. Nhưng má tôi sẽ oán hận nếu người khác nói mình: “Françoise thật là bi quan!” hay “Françoise ra bộ người yếu thần kinh.”

Khi còn là người vợ trẻ, má tôi thích trang điểm. Người bà tươi tỉnh ra khi có người bảo rằng coi bà như chị cả tôi. Một người anh em họ bên nội chơi vĩ cầm, thường hòa đàn với má tôi, đã tỏ tình với bà một cách kính cẩn: khi ông lấy vợ, bà ghét cay ghét đắng người vợ ấy. Đến lúc đời sống tình dục và sự giao thiệp đã giảm bớt, bà không trang điểm nữa trừ những trường hợp bắt buộc phải ăn mặc chỉnh tề. Tôi còn nhớ một lần đi nghỉ hè về, má tôi ra ga đón, bà đội một cái mũ nhưng rất xinh, quàng một cái khăn nhỏ, mặt đánh chút phấn. Em tôi vui sướng kêu lên: “Má ạ, nom má như

một bà rất lịch sự!”. Má tôi cười, trong lòng chân thực không nghĩ gì khác, bà không muốn ăn mặc lịch sự nữa. Bà khinh miệt thể xác theo điều học được ở tu viện đến nỗi thiếu cả phép vệ sinh cho mình và cho các con. Nhưng má tôi vẫn muốn làm thích mắt người khác – đó là một trong những mâu thuẫn khác của bà; bà vẫn ưa người ta khen ngợi mình; bà trả lời bằng cách làm dáng. Mẹ tôi hớn hở khi một người bạn của ba tôi đề tặng bà trong một cuốn sách (xuất bản với tiền của tác giả); “Tặng Françoise de Beauvoir mà cuộc đời đã làm tôi thán phục”. Lời khen tặng thật mơ hồ, bà được ngợi khen vì lánh mình không để cho ai khen ngợi cả.

Khi đã không còn thiết những thú vui thể xác, khi không còn thỏa mãn với sự khoe khoang và bị ràng buộc vào những công việc chán nản và cực nhọc, người đàn bà kiêu căng và cứng cổ ấy không thể nào chịu đựng được. Giữa những cơn phẫn nộ bùng lên, mẹ tôi không ngừng hát hổng, khôi hài, nói huyền thuyên để lấy tiếng động che lấy tiếng nói âm thầm của trái tim. Sau khi ba tôi mất, cô Germaine nói rằng ông không phải là một người chồng lý tưởng, mẹ tôi phản kháng kịch liệt: “Ông vẫn đem lại hạnh phúc cho tôi”.

Hẳn là má tôi không ngừng tự xác nhận như thế. Dầu sao, cái lạc quan tự đặt ra như thế không đủ để lấp đầy sự thèm khát của mẹ tôi. Bà níu vội lấy lối thoát duy nhất: tự nuôi dưỡng bằng sinh khí trẻ trung của mấy đứa con mà bà có trách nhiệm chăm nom. Sau này mẹ tôi bảo tôi: “Ít ra má chẳng bao giờ ích kỷ, má sống cho người khác”. Phải rồi, má cũng sống trong người khác. Má tôi có ý hướng chiếm cứ và thống trị kẻ khác, bà muốn cầm giữ trọn vẹn chúng tôi trong lòng bàn tay. Nhưng giữa lúc sự bù trừ ấy trở nên cần thiết cho bà thì chúng tôi bắt đầu muốn tự do và sống riêng biệt. Những xung đột đã nhen nhúm, đã bùng ra nhưng không giúp mẹ tôi tìm lại được sự quân bình.

Tuy nhiên, má tôi mạnh hơn: tính cương quyết của má tôi thắng thế. Ở nhà, phải để các cửa mở rộng; tôi phải làm việc trong phòng má tôi ngồi, dưới mắt má tôi. Đến đêm, chúng tôi nói chuyện với nhau, từ giường nọ qua giường kia, má tôi sốt ruột vì hiếu kỳ, áp tai vào tường nghe rồi la hét:

“Câm mồm”. Bà không cho chúng tôi tập bơi và ngăn cản ba tôi dạy chúng tôi tập đi xe đạp: nếu chúng tôi hưởng những khoái lạc mà bà không được chia phần, chúng tôi sẽ thoát khỏi tay bà mất. Nếu bà cần tham dự vào tất cả những cuộc giải trí của chúng tôi, không phải chỉ vì bà ít có giải trí, mà có lẽ vì những lý do thâm kín từ thời thơ ấu: bà không chịu cảm thấy mình bị loại ra ngoài. Mẹ tôi không ngần ngại bắt người khác theo ý mình, dù biết rằng không ai ưa mình. Một đêm, ở La Grillère, chúng tôi ở trong bếp với một đám con trai con gái, bạn của anh em họ: chúng tôi nấu tôm hùm mới câu được bằng ánh đèn. Má tôi xuất hiện, chỉ có mình bà là người lớn: “Tôi cũng có quyền ăn với chứ”. Bà làm chúng tôi cụt hứng, nhưng bà cứ ở lại đấy. Sau này, Jacques, người anh em họ hẹn gặp em tôi và tôi ở trước cửa phòng triển lãm mùa thu; má tôi đi theo chúng tôi, anh ta không thò mặt ra nữa. Ngày hôm sau, anh ta nói cho biết: “Tôi thấy má cô tôi chuồn thẳng”. Sự có mặt của má không phải là dễ kham đâu. Khi chúng tôi tiếp bạn bè, mẹ tôi xen vào: “Tôi có quyền chia vui với các bạn chứ”, rồi bà cướp lời nói hết. Ở Vienne, ở Milan, em tôi thường phát hoảng vì trong một bữa tiệc có ít nhiều tính cách công khai, má tôi có vẻ tự tin tiến lên trước.

Những cách xen vào làm vướng víu người khác, những lúc nổi cơn làm như mình quan trọng lắm, đó là những dịp mẹ tôi báo thù: bà không có mấy dịp để xác định bản ngã mình. Mẹ tôi giao thiệp ít, và khi có mặt ba tôi thì ba tôi là người ăn nói. Câu nói làm chúng tôi khó chịu “Tôi có quyền chứ”, chứng tỏ rằng má tôi thiếu tự tin: ý muốn của bà tự nó không biện minh cho nó được. Không thể nén lòng được và có lúc hung dữ, bà can đảm giữ sự cẩn trọng đến thành hạ mình. Má tôi chì chiết ba tôi vì những chuyện nhỏ nhặt, nhưng không dám hỏi tiền ba tôi, bà không tiêu việc riêng và tiêu rất ít cho chúng tôi; bà ngoan ngoãn để cha tôi tối nào cũng vắng nhà, chủ nhật thì đi chơi một mình. Khi ba tôi mất, má tôi nhờ cậy chúng tôi, bà cũng vẫn giữ kẽ như thế, không làm phiền chúng tôi. Phải nhờ cậy chúng tôi, mẹ tôi không có cách gì khác để xuất lộ tính tình của mình; ngày trước mẹ tôi săn sóc chúng tôi để xác định với mình bản năng áp chế của mình.

Tình mẫu tử của mẹ tôi vừa sâu xa vừa chuyên chế và sự đau khổ của chúng tôi phản ánh những xung đột nội tâm của mẹ tôi. Mẹ tôi dễ bị thương tổn – hai mươi năm hay bốn mươi năm sau, mẹ tôi còn hậm hực vì một lời chỉ trích, sự oán thù mờ mịt trong đáy lòng phát lộ bằng những cách cực hung hăng: thẳng thắn một cách phũ phàng, báng bố thâm độc; đối với chúng tôi thường thường mẹ tôi ác nghiệt vì ngu muội hơn là vì nguồn gốc bạo dâm^[1]: bà biểu lộ uy quyền của mình chứ không phải muốn làm khổ con cái. Khi tôi nghỉ hè ở Zaza, em tôi viết thư cho tôi; qua lời văn của tuổi niên thiếu, gì nó nói đến tâm tình, đến linh hồn, đến những vấn đề của mình; tôi viết thư trả lời. Má tôi mở thư ra đọc to trước mặt Poupette, tâm sự của Poupette làm bà cười ngất. Poupette giận thâm tím, tỏ sự khinh bỉ mẹ và thề rằng không bao giờ tha thứ cho mẹ. Má tôi khóc nước mắt và viết thư yêu cầu tôi hòa giải: tôi đã ráng hòa giải.

Má tôi chỉ nhắm vào em tôi mà xác định quyền thống trị, sự thân mật của chúng tôi làm cho bà buồn lòng. Khi biết rằng tôi không tin Thượng Đế, mẹ tôi giận dữ mà la lên: “Má sẽ cứu thoát con khỏi ảnh hưởng ấy, má sẽ che chở cho con!”. Những dịp nghỉ hè, mẹ tôi cấm không để cho hai đứa ngồi gần nhau mà không có bà, chúng tôi tìm cách gặp nhau vụng trộm dưới gốc cây hạt dẻ. Sự ghen tức ấy đã day dứt má tôi suốt đời, chúng tôi giữ mãi thói quen không để cho mẹ biết những lúc gặp nhau.

Nhưng thường thường tình yêu nồng nàn của mẹ tôi làm chúng tôi cảm động. Vào năm mười bảy tuổi, Poupette vô tình đã giận dữ ba tôi và “Bác Adrien”, bạn thân nhất của ba tôi; má tôi đã tận tình bênh vực Poupette chống lại ba tôi vì ông không nói nửa lời với con gái đến mấy tháng. Sau đấy, ba tôi trách em tôi không hy sinh khiêu hội họa cho công việc bếp núc và cứ sống nhờ gia đình; ông không cho con một xu nhỏ và nuôi dưỡng thiếu thốn. Mẹ tôi cố gắng xoay xỏa để giúp con. Sau khi ba tôi mất, tôi không quên được má tôi đã sẵn lòng khuyến khích tôi đi xa với một người bạn gái, có lẽ bà chỉ thở dài tôi sẽ ở lại.

Chỉ vì vụng về, mẹ tôi không giữ được mối thân giao với mọi người: không còn gì đáng thương hại bằng sự khó nhọc của bà để giữ em tôi cách

biệt với tôi. Trước kia má tôi đã thầm yêu ba anh Jacques, một người anh họ tôi, bây giờ bà chút cho Jacques một chút tình yêu ấy. Khi Jacques bắt đầu ít lui tới nhà tôi, mẹ tôi tiếp anh bằng những lời chống trả, bà cho là vui chuyện nhưng anh cho là khích bác: càng ngày anh càng ít đến chơi. Mẹ tôi rưng rưng nước mắt khi tôi đến ở với bà tôi, tôi đã biết nên không hề tỏ ra bịn rịn: mẹ tôi vẫn tránh những phút ấy. Tuy nhiên, trong năm ấy, mỗi lần tôi về nhà dùng cơm, má tôi than phiền rằng tôi chẳng sẵn sóc đến gia đình tuy tôi về nhà luôn. Vì tự kiêu, vì tự đặt cho mình những nguyên tắc ăn ở, má tôi không muốn hỏi đến tiền bạc; nhưng sau bà lại phàn nàn rằng đưa cho bà ít quá.

Mẹ tôi không thể thổ lộ những nỗi khó khăn của mình với ai, cả với mình nữa. Người ta không làm cho má tôi quen với cách tự nhìn cho thấu lòng mình hay sử dụng cách xét đoán riêng của mình. Mẹ tôi phải dựa vào một uy lực nào đó nhưng những uy lực được mẹ tôi tôn trọng không thỏa hiệp với nhau; Bề Trên trường nữ học Oiseaux và ba tôi không có điểm nào phù hợp với nhau. Tôi đã sống cái thực thể đối chọi ấy trong thời gian trí khôn của tôi đang cấu tạo chứ không phải sau khi đã thành hình. Nhớ lúc thơ ấu có điều kiện thuận tiện, tôi có tự tin trong khi má tôi không có; tôi biết đứng về phía đối nghịch để xét điều phải điều trái, nhưng mẹ tôi không thể làm được như thế. Mẹ tôi chỉ biết theo ý kiến của mọi người: người cuối cùng phát biểu ý kiến là người có lý. Mẹ tôi đọc rất nhiều, nhưng quên gần hết, tuy có trí nhớ tốt, nếu như có sự hiểu biết đích xác, có ý kiến dứt khoát, chắc mẹ tôi không thể đổi ý dễ dàng trước sự bó buộc của hoàn cảnh. Sau khi ba tôi mất, má tôi vẫn cẩn thận theo ý người khác. Sự giao du có phần phù hợp hơn với ý tưởng của mình, mẹ tôi đứng về phía những người công giáo sáng suốt chống lại những người chủ trương “hội nhập”. Tuy nhiên vẫn có những người không đồng ý trong số bạn bè giao du với má tôi. Và chẳng, tuy tôi sống trong sự lầm lỗi, nhưng ý kiến của tôi đáng kể hên nhiều bình diện, cả ý kiến của em tôi và của Lionel. Trước mắt chúng tôi, mẹ tôi sợ mình là người ngu ngốc. Bởi vậy mẹ tôi vẫn giữ thái độ mơ hồ và cho cái gì cũng là phải, không ngạc nhiên cái gì cả. Mãi đến

những năm gần đây, ý kiến của mẹ tôi mới có phần mạch lạc; nhưng trong thời kỳ đời sống của bà xao động nhất, bà không có chủ trương, ý niệm, giáo điều nào để hợp lý hóa cả. Bởi vậy mẹ tôi băn khoăn sợ hãi.

Suy tư cách nào chống lại mình và không tán dương mình vẫn đem lại kết quả; nhưng đối với mẹ tôi thì khác. Mẹ tôi đã sống một cách chống hẳn lại mình. Mẹ tôi có nhiều thêm khát, bà đã dùng hết cương quyết để dồn nén thêm khát cho nên hậu quả là bà giận dữ. Thời thơ ấu, người ta đã dồn ép thân thể, tâm tình và trí óc mẹ tôi vào trong những nguyên tắc giáo lý và những sự cấm đoán. Người ta đã dạy má tôi tự thắt chặt lấy dây cương toả. Nhưng trong người mẹ tôi vẫn tồn tại một người đàn bà nhiệt tình như máu và lửa, nhưng lệch lạc, giả tạo, thiếu hụt, xa lạ với bản chất chân thực.

Vừa tỉnh dậy tôi đã gọi điện thoại cho em tôi. Má tôi đã tỉnh hẳn từ lúc nửa đêm; bà biết rằng người ta vừa giải phẫu và cũng không kinh ngạc lắm. Tôi gọi một cái tắc-xi. Vẫn con đường ấy, vẫn mùa thu ấm áp, trời xanh ngắt, vẫn bệnh viện ấy. Nhưng tôi đi vào một đoạn truyện khác: má tôi đáng lẽ khỏi bệnh ăn lại sức thì lại đến lúc hấp hối. Trước kia, tôi đến đây hàng mấy giờ vô tư lự; tôi đi qua hàng hiên một cách thản nhiên. Biết bao thảm kịch xảy ra sau những chiếc cửa kín mít, không lọt ra ngoài chút gì. Tôi lên cầu thang càng mau... Và càng chậm bao nhiêu càng hay. Trên cửa bây giờ có tấm biển: “Xin miễn vào thăm”. Khung cảnh đã thay đổi. Cái giường vẫn để như trước, hai bên để trống không có đồ đạc gì. Kệo sắt vào ngăn, cả sách báo nữa. Trên cái bàn lớn ở một góc nhà, không còn hoa mà chỉ có chai lọ, bóng thủy tinh, ống thủy tinh. Mẹ tôi ngủ, không có ống thở ở mũi, nom đỡ thảm; nhưng ở dưới gầm giường, bình và ống thông với dạ dày và ruột. Cánh tay trái nổi vào một cái bình nhều giọt. Má tôi không mặc áo quần gì cả: áo đọc sách vắt như một cái mền lên mình và vai để trần. Một nhân vật mới xuất hiện: người gác riêng, cô Leblon, yếu điệu như một bức chân dung của Ingris; một cái mũ xanh trùm kín tóc, chân bọc vải trắng; cô ta canh chừng cái bình nhều giọt, tay lắc bình thủy tinh để làm tan huyết tương. Dì nó nói rằng, theo bác sĩ có thể sống thêm được vài tuần, có khi vài tháng. Dì nó hỏi giáo sư B: “Khi lại đau nữa thì biết nói gì với má tôi? – Bà đừng lo. Rồi sẽ kiểm kê, bao giờ cũng kiểm được cơ. Người bệnh bao giờ cũng tin mình.”

Buổi quá trưa, má tôi mở mắt; giọng nói không rõ lắm nhưng người sáng suốt: “Má à! Má gãy chân, người ta giải phẫu ruột dư!”. Má tôi giờ ngón tay, lăm bầm có vẻ kiêu hãnh: “Không phải ruột dư mà sưng màng ruột”. Mẹ tôi nói thêm: “Thật là may mắn, bệnh chỉ có thể – Con về đây mẹ bằng lòng chứ? – Không. Má không muốn”. Bệnh sưng màng ruột: bệnh viện này đã cứu sống má. Chúng tôi bắt đầu lừa dối má. “Bỏ được cái ống thở đi thật sung sướng quá”. Gột sạch chất dơ làm căng phồng bụng, má tôi không đau đớn gì nữa. Có hai con gái ở bên giường bệnh, má tôi tưởng mình được an toàn. Khi hai bác sĩ N và P bước vào, mẹ tôi thỏa mãn mà nói: “Tôi không bị bỏ rơi.”, rồi nhắm mắt lại. Họ bàn bạc với nhau: “Lạ quá, bà cụ chóng lại người thế! Thật là kỳ lạ!”. Quả thế thật. Nhờ truyền máu và tiếp sức, mặt má tôi hồng hào, nom có vẻ khỏe mạnh. Cái thân hình đau đớn nằm lịm trên giường hôm trước nay đã trở lại là một người.

Tôi chỉ cho má tôi cuốn sách chơi ô chữ của Chantal mang lại. Má tôi ấp úng nói với người gác riêng: “Tôi có cuốn tự điển Larousse, cuốn mới tái bản, tôi mua chỉ để chơi ô chữ”. Cuốn tự điển ấy là một nguồn vui thích cuối cùng của má tôi; má tôi đã nói đến từ lâu trước khi mua; mỗi lần tôi mở coi, má tôi vui vẻ ra mặt. Tôi nói: “Con sẽ mang lại – Ủ, cả cuốn Nouvel Oedipe nữa, má không tìm thấy hết...”. Phải lượm lấy ngay ở một tiếng nói mà má tôi bắt từ trong người ra bằng hơi thở, sự bí hiểm của những câu nói cũng làm cho người ta bối rối như những sấm ngữ. Kỷ niệm, dự vọng, lo âu phảng phất ở ngoài thời gian, tiếng nói vẫn vơ và cái chết trước mắt đã biến thành những giấc mộng hư ảo và xót xa.

Má tôi ngủ rất nhiều, thỉnh thoảng hút vài giọt nước bằng cái ống nhỏ rồi nhổ vào một chiếc khăn giấy, người gác để áp vào miệng. Đến tối, má tôi bắt đầu ho; cô Laurent đến lấy tin tức đã nâng dậy, thoa bóp và giúp mẹ tôi khạc nhổ. Bấy giờ mẹ tôi mỉm cười với cô: lần thứ nhất từ bốn ngày nay.

Poupette định ngủ đêm tại bệnh viện. Dì nó bảo tôi: “Chị đã có mặt lúc ba và bà nội chết, còn tôi ở xa; để tôi trông coi má. Và lại tôi muốn ở bên má”. Tôi đồng ý. Má tôi ngạc nhiên: “Sao lại muốn ngủ ở đây? – Con

vẫn ngủ trong phòng Lionel khi anh ấy đi mổ, người ta vẫn thường làm thế – À! Thế cũng được!”.

Lúc trở về, tôi lên cơn cảm sốt. Ở trong bệnh viện nóng bức ra, tôi bị lạnh vì trời thu ẩm ướt; tôi đi ngủ, thuốc cảm làm đỡ dần cả người. Tôi không khóa máy điện thoại; má tôi có thể tắt nghỉ bất cứ lúc nào, như một ngọn nến, như lời thầy thuốc nói, dì nó thấy chút gì báo động phải gọi tôi ngay. Chuông kêu vào lúc bốn giờ sáng làm tôi bật dậy. “Phút cuối cùng đây”. Tôi cầm lấy ống nghe, một tiếng nói lạ: lầm số. Tôi chỉ ngủ lại lúc tang tảng sáng. Tám rưỡi: chuông lại kêu; tôi lại vội vàng cầm máy: không có gì quan trọng. Tôi ghét cái máy màu linh cữu này: “Cụ nhà bệnh ung thư. – Cụ nhà không qua khỏi đêm nay”. Một ngày kia nó sẽ rên rỉ bên tai tôi: “Tắt nghỉ rồi.”

Tôi đi qua vườn, vào phòng lớn. Tưởng như trong một phi cảnh: bàn thấp, ghế tân thời, người ta hôn nhau, chào hỏi hay từ giã, người khác ngồi đợi, va-li, đồ xách tay, hoa trong bình, bó hoa bọc giấy bóng như để đón người sắp đến... Nhưng trên các khuôn mặt, qua tiếng thì thào, người ta cảm thấy có cái gì mờ ám. Thình thoảng từ cửa trong cùng hiện ra một người mặc toàn đồ trắng, có vết máu ở giày. Tôi lên một tầng gác. Bên trái là một hàng hiên dài với các phòng, phòng các cô khán hộ, phòng giấy. Bên phải, là căn tiền phòng vuông vắn, trong kê một cái ghế dài và một cái bàn giấy trên để một máy điện thoại trắng. Một bên trông ra phòng đợi, bên kia trông sang phòng 114. “Xin miễn vào thăm”. Sau cửa, tôi thấy một khúc ống cao su, bên trái là phòng rửa mặt với bồn tắm, bông gòn, bình; bên phải là ngăn xếp đồ dùng của má tôi; trên bướm treo cái áo đỏ mặc trong nhà đầy bụi. “Má không muốn trông thấy cái áo trong nhà ấy nữa”. Tôi đẩy cánh cửa thứ hai. Trước đây, tôi đi qua chỗ này mà không trông thấy gì cả. Bây giờ tôi biết rằng những đồ vật ấy sẽ mãi mãi chiếm chỗ trong đời tôi.

Má tôi nói: “Má thấy dễ chịu lắm”. Bà còn nói thêm, ra vẻ hí hờn: “Hôm qua, thầy thuốc nói chuyện với nhau, má nghe được họ bảo: Thật là kỳ lạ!”. Câu ấy làm má tôi khoan khoái: bà thường nhắc đến một cách cẩn trọng, như một câu thần chú phù hộ cho bà chóng khỏi. Tuy nhiên má tôi

còn yếu lắm, điều cần thiết hơn cả là tránh cái gì làm mệt đến người. Má tôi mơ màng được nuôi dưỡng bằng cách tiếp huyết tương suốt đời: “Từ rày má sẽ không ăn nữa – Sao vậy! Má xưa nay vẫn hay ăn lắm mà. – Không tao sẽ không ăn nữa”. Cô Leblon lấy một cái lược và một cái bàn chải để chải đầu cho má tôi, bà ra lệnh một cách hách dịch: “Cô cắt tóc đi cho tôi”. Chúng tôi phản đối. “Các người làm tôi mệt: cứ cắt đi”. Má tôi chú trọng đến điều ấy một cách bướng bỉnh quái dị; hình như bà muốn hy sinh như thế để cầu lấy sự yên ổn từ đây. Cô Leblon từ tốn tháo bím tóc và gỡ mỗi tóc rối; cô bện tóc lại, gài kim và quấn lên đầu, sắc diện má tôi thư thái trở lại đôn hậu lạ lùng. Tôi nghĩ đến một bức họa của Léonard de Vinci vẽ một bà cụ rất đẹp: “Coi má đẹp như một bức tranh của Léonard de Vinci”. Má tôi mỉm cười: “Ngày trước má không đến nỗi xấu”. Giọng hơi bí hiểm, má tôi tâm sự với người gác: “Trước kia, tóc tôi rất đẹp, tôi quấn lên trên đầu”. Rồi bà nói đến mình: bà đã thi được bằng thủ thư thế nào, tính bà yêu quý sách thế nào. Cô Leblon trả lời bà trong khi chế một bình huyết tương; cô cho tôi biết bình nước trong ấy cũng có gờ-luy-cô và muối kim khí. Tôi nói: “Một thứ cốc-tay thực sự.”

Suốt ngày hôm ấy chúng tôi làm cho mẹ rối rít vì dự định tương lai. Mẹ tôi nhắm mắt nằm nghe. Hai vợ chồng dì nó vừa mua được một cái ấp cũ kỹ ở Alsace và sắp chỉnh trang để ở. Má tôi sẽ ở một căn phòng lớn biệt tịch để dưỡng sức cho thật khỏe. “Nhưng má ở lâu sợ phiền cho Lionel? – Không hề gì má ạ – Phải, ở đây tao không làm phiền ai. Ở Sharrachbergen chật chội, cũng có phiền hà thật”. Chúng tôi nói đến Meyrignac. Má tôi thấy lại kỷ niệm lúc còn là người vợ trẻ. Đã từ bao năm nay, má tôi khoan khoái mà nói cho nghe những sự tu bổ. Má tôi rất yêu mến cô Jeanne, ba đưa con gái lớn xinh đẹp tươi tắn và vui vẻ đều ở Ba-lê, chúng đến bệnh viện luôn: “Má không có cháu gái, còn chúng nó không có bà”, má tôi giải thích với cô Leblon như thế. “Thành ra tôi là bà của mấy cháu”. Khi má tôi chợp ngủ, tôi mở một tờ nhật trình; má tôi mở mắt ra và hỏi: “Ở Sài Gòn có chuyện gì thế?”. Tôi kể lại. Một lần, má tôi nói ra vẻ trách móc nhưng chỉ để vui câu chuyện thôi: “Người ta đã đánh lừa tao để mổ tao.”, và khi bác sĩ

P vào, bà nói bông đùa: “Đây, dao phủ đây!”. Ông ta đứng gần má tôi một lúc; ông ta bảo: “Tuổi nào người ta cũng phải học”, má tôi bèn trả lời, giọng hơi trịnh trọng: “Phải rồi. Tôi học được rằng tôi bị sưng màng ruột”. Tôi cũng theo má tôi nói cho vui: “Má cũng không phải tầm thường! Má vừa vá xương đùi, người ta lại mổ màng ruột! – Đúng thế, tôi không phải người thường”. Trong nhiều ngày, má tôi khoan khoái vì chỗ lằm lộn ấy: “Má đã chơi khăm một võ cho giáo sư B. Ông ta phải mổ xương đùi. Còn bác sĩ P thì lại mổ màng ruột.”

Hôm ấy, điều làm cho chúng tôi cảm động là má tôi chú ý đến những cảm giác thích thú nhỏ nhoi: má tôi làm như đến năm 78 tuổi mới bắt đầu bình tĩnh để thấy những kỳ lạ của đời sống. Trong khi người khác thu dọn chăn gối, một cái ống sắt chạm vào đùi: “Chà, mát lạnh! Dễ chịu thật!”. Má tôi hít mùi nước hoa, mùi phấn: “Thơm tho lắm!”. Má tôi cho xếp đặt bó hoa và các chậu hoa lên cái bàn đầy: “Những đóa hoa hồng nhỏ kia trông ở Meyrignac”. Má tôi bảo quần màn che cửa lên và nhìn đám lá cây nhuộm nắng hồng qua cửa kính: “Nom đẹp quá, ở nhà chả bao giờ mình thấy thế này!”. Má tôi mỉm cười. Tôi và dì nó cùng chung một ý nghĩ: chúng tôi thấy lại nụ cười đã làm tươi sáng tuổi thơ ấu chúng tôi, một nụ cười rạng rỡ của người thiếu phụ. Từ đấy đến nay, nụ cười đã rất đâu?

Poupette nói: “Nếu má được vài ngày hạnh phúc như thế, thì kéo dài cuộc sống cũng đáng”. Nhưng sẽ phải trả giá thế nào?

Ngày hôm sau, tôi nghĩ: “Đây là phòng người chết”. Một tấm màn xanh nặng nề che kín cửa. (Tấm màn đã hư, không hạ xuống được, nhưng trước kia ánh sáng không làm mẹ tôi khó chịu). Má tôi nằm lịm trong chỗ tối, mắt nhắm nghiền. Tôi cầm lấy tay, má tôi lẩm bẩm: “Simone đấy à, má không trông thấy con!”. Poupette đi khỏi, tôi mở một cuốn tiểu thuyết trinh thám. Thỉnh thoảng má tôi than phiền: “Má không còn sáng suốt nữa”. Má tôi phàn nàn với bác sĩ P: “Tôi đã hôn mê – Nếu cụ hôn mê cụ đã không biết là cụ hôn mê”. Câu trả lời làm má tôi phấn khởi. Sau này, má tôi làm ra vẻ trầm ngâm mà nói: “Má đã chịu được một cuộc giải phẫu quan trọng. Phải mổ vì một bệnh nặng”. Tôi nói thêm vào, dần dần má tôi yên tâm. Tối

hôm qua, má tôi đã nằm mơ, tuy hai mắt mở: “Có nhiều người trong một căn phòng, những người dữ tợn, mặc áo xanh, muốn lôi má đi và cho uống cốc-tay. Còn ba đuổi họ đi...”. Tôi đã nói tiếng cốc-tay nhân lúc cô Leblon pha thuốc; cô này đội mũ xanh; những người đàn ông là những cô nữ khán hộ đã đưa má tôi vào phòng mổ. “Phải rồi, chắc là thế...”. Má tôi bảo mở cửa sổ “Không khí mát mẻ, dễ chịu thật”. Chim hót, má tôi khoan khoái: “Chim chóc!”. Trước khi tôi đi ra, má tôi còn nói: “Lạ thật. Má thấy ánh sáng vàng trên má bên trái. Y như là có miếng giấy vàng trên má. Một tia sáng đẹp để qua mảnh giấy vàng: như thế dễ chịu lắm”. Tôi hỏi bác sĩ P: “Cuộc giải phẫu như thế là thành công chứ? – Thành công nếu tiểu trường tác động trở lại. Đợi hai ba ngày nữa sẽ biết.”

Tôi có cảm tình với bác sĩ P. Ông ta không làm ra vẻ quan trọng, ông ta nói năng với má tôi, đối xử với người đối thoại với mình có tư cách một người, ông sẵn lòng trả lời những câu hỏi của tôi. Trái lại, tôi với bác sĩ N không ưa nhau, vẻ người lịch sự, thể thao, hoạt động, say sưa kỹ thuật, ông ta tận tình hồi sinh cho mẹ tôi; như mẹ tôi đối với ông chỉ là vật để thí nghiệm chứ không phải một người. Ông ta làm chúng tôi phát sợ. Má tôi có một người bà con cũng là người già cả, người ta làm cho hôn mê trong sáu tháng. Mẹ tôi nói: “Má mong rằng con đừng để họ làm hôn mê lâu như thế, thật là ghê tởm!”. Nếu bác sĩ N có ý muốn chiếm kỷ lục thì thật là nguy hiểm.

Sáng chủ nhật, Poupette buồn rầu mà bảo tôi: “Họ đã thức má tỉnh dậy để xem sao nhưng không có kết quả. Tại sao lại hành hạ người ta vậy?”. Lúc bác sĩ N đi qua, tôi giữ ông lại, tự ông, không bao giờ ông nói với tôi. Tôi lại van nài ông ta “Đừng làm khổ má tôi”. Ông ta phật ý trả lời: “Tôi không làm khổ, tôi làm bốn phận của tôi.”

Màn cửa kéo lên, căn phòng đỡ tối. Má tôi nhờ mua cho cặp kính râm. Khi tôi bước vào, má tôi bỏ kính: “À ngày hôm nay, má nhìn thấy con!”. Má tôi thấy người khỏe khoắn, bà hỏi một giọng bình thản: “Này! Má có nửa người bên phải không? – Sao vậy, thì má vẫn có chứ. – Kỳ quá, hôm qua họ bảo má tỉnh tỉnh. Nhưng chỉ tỉnh về phía bên trái. Má thấy nửa

bên kia xám xịt. Hình như không có phía bên phải, người tao đã phân đôi. Bây giờ mới hợp lại một chút.”

Tôi sờ tay vào má bên phải: “Má thấy gì không? – Có, nhưng chỉ như trong giấc mơ”. Tôi sờ má bên trái: “Bên này thì có thực”. Xương đùi gãy, cái ung, chỗ băng bó, ống thở ở mũi, tiếp huyết tương, tất cả đều ở phía người bên trái. Có phải vì thế mà nửa người bên kia như không có chăng? “Sắc diện má tươi tỉnh, các bác sĩ đều vui vẻ về má – Đâu có, bác sĩ N không bằng lòng, ông ta muốn tao đánh hơi được”. Má tôi mỉm cười với mình: “Khi ra khỏi đây, mình sẽ gửi tặng ông ta ít kẹo súc-cù-là.”

Nệm bơm, hơi thoa bóp ngoài da, gối để kê giữa hai đầu gối, nệm đội cao lên cũng không chạm vào; một phương pháp khác giữ cho gót chân khỏi đụng xuống nệm tuy thế nhưng người cũng bắt đầu có nhiều chỗ đóng vẩy mục. Háng tê liệt vì sưng khớp xương, cánh tay phải gần như bất động, cánh tay trái ghì chặt vào ống nhiễu giọt, má tôi không thể cử động được chút nào. “Để người má cao lên một chút”. Má tôi bảo thế, nhưng một mình tôi không dám làm. Tôi không khó chịu vì người má tôi không có áo quần: không phải má tôi nữa, chỉ là một cái thân thể bị cực hình. Tuy nhiên tôi vẫn sợ sự bí mật kinh khủng mà tôi linh cảm thấy ở dưới lớp vải. Tuy tôi không tưởng tượng ra nó thế nào, và lại tôi sợ làm đau má tôi. Sáng hôm ấy phải rửa người lại, cô Leblon cần tôi giúp một tay.

Tôi ôm dưới nách cái thân thể chỉ bọc lần da xanh và ướt nhẹp. Khi đặt nằm nghiêng bên phải, mặt má tôi nhăn lại, mắt đảo lên, má tôi kêu la: “Té mất!”. Má tôi nhớ lại lúc bị té. Tôi đứng trên đầu giường giữ lấy má tôi và an ủi má tôi.

Chúng tôi lại để má nằm ngửa, gối chèn cẩn thận. Sau một lát, má tôi kêu lên: “Má vừa mới đánh hơi!”. Lát sau má tôi hỏi: “Mau mau! Cho cái bô!”. Cô Leblon và một người nữ khán hộ tóc đỏ tìm cách đặt má lên bô; má tôi kêu la; thấy người má bị nghiêng vào thành kim khí rắn và sáng loáng, tôi có cảm tưởng rằng họ đặt má lên lưỡi dao. Hai người đàn bà cố giữ má tôi lại, lôi kéo má tôi, người đàn bà tóc đỏ cắn nhả, má tôi kêu la,

người cứng ra vì đau đớn. Tôi vội bảo: “Thôi để yên cho má tôi!”. Tôi theo mấy người khán hộ ra ngoài: “Thôi! Để má tôi tiểu ra khăn nệm cũng được – Nhưng làm như vậy tủi nhục quá, người ốm không chịu được đâu, cô Leblon nói – Người sẽ ướt đầm, làm khó chịu chỗ đóng vẩy mực, người khán hộ tóc đỏ nói – Mỗi lần đi tiểu xong cô thay khăn nệm đi”. Tôi trở lại bên má tôi; má tôi nói giọng như trẻ con: “Chị tóc đỏ này người độc ác lắm”. Mẹ tôi buồn rầu nói thêm: “Thế mà má không cho rằng mình được săn sóc từng ly từng tí! – Má không được như thế”. Tôi lại bảo má tôi: “Má cứ đi tiểu không cần bỏ, họ sẽ thay khăn nệm, không có gì rắc rối cả – Ủ”; má tôi cau mày, vẻ mặt cả quyết, mà nói như thách thức: “Người chết vẫn đái ra nệm”.

Tôi như bị tắc hơi thở. “Chịu nhục đến như vậy sao!”. Má tôi sống đầy tự ái kiêu căng thế mà không thấy xấu hổ. Đó cũng là một hình thức can đảm đối với một người duy tâm mô phạm mà quả quyết nhận những ràng buộc của xác phàm như má tôi.

Người ta đã thay đồ, rửa ráy, xức dầu thơm cho má tôi. Bây giờ đến lúc chích một mũi thuốc khá đau, chắc để trừ niệu tố không bài tiết được ra đường tiểu. Má tôi có vẻ mệt nhọc đến nỗi cô Leblon ngần ngại, bà bèn nói: “Cứ chích đi”. Chúng tôi lại đặt má tôi nằm nghiêng; tôi giữ má tôi và tôi nhìn khuôn mặt bối rối lo âu lẫn lộn với can đảm, hy vọng, “Vì chích cái đó tốt”. Chích để khỏi bệnh. Chích để chết.

Tôi những muốn xin lỗi người nào đó.

Ngày hôm sau, tôi biết rằng buổi quá trưa hôm ấy yên lành lắm. Một người khán hộ trẻ tuổi thay cô Leblon, Poupette bảo má tôi: “Má hên lắm đấy, được một người gác trai trẻ và tử tế như thế – Phải, coi nó đẹp trai – Má biết xem người đấy chứ! – Ô! Đâu có biết nhiều, má tôi nói giọng nhớ nhung – Sao? Má có gì nhớ tiếc? – À! Má vẫn nói với các cháu: Các cháu ạ, hãy tận hưởng cuộc đời – Con biết, vì thế mà chúng nó rất yêu mến má. Nhưng sao má không nói vậy với con gái?”. Thế là bất thành linh má tôi trở nên nghiêm nghị: “Bảo con gái thế à? Không được!”. Bác sĩ P đưa đến một

bà già tám mươi tuổi sợ hãi vì hôm sau phải mổ: má tôi đem trường hợp mình ra làm thí dụ để khiển trách bà cụ.

Đến thứ hai, mẹ tôi thích chí mà bảo rằng: “Họ đem mình ra để làm quảng cáo”. “Không biết phía bên phải của má đã trở lại chưa? Mình có thật có một phía bên phải không? – Có chứ. Má trông vào gương xem”. Em tôi nói thế, má tôi nhìn vào gương ra vẻ không tin, bà nghiêm khắc, kiêu kì: “Người này mà là tao à? – Chứ ai, má thấy mặt má có đầy đủ đấy nhé – Người má xanh mét – Tại ánh sáng đấy. Thực ra má đỏ đần”. Thực ra má tôi tươi tỉnh lắm. Khi má: tôi mỉm cười với cô Leblon, má tôi bảo: “À, lần này thì tôi cười cả miệng. Trước tôi cười chỉ có nửa miệng.”

Đến quá trưa, má tôi không cười nữa. Nhiều lần má tôi nhắc lại một cách kinh ngạc và chê bai: “Nhìn vào trong gương mới thấy mình xấu thế!”. Đêm trước, đã có cái gì lộn xộn trong ống nhều giọt: phải lấy ống ra rồi cắm lại vào mạch máu: người gác đêm lần mò, nước chảy rỉ ra ngoài da, má tôi đau lắm. Người ta phải lấy băng bọc cánh tay sưng vù, tím xanh. Bây giờ bình thuốc nối vào cánh tay phải; mạch máu đã nhược còn chịu được huyết thanh, chứ huyết tương thì làm cho mẹ tôi rên xiết. Đến tối, má tôi khắc khoải: bà sợ đến đêm lại xảy ra chuyện gì nữa làm cho đau đớn. Nét mặt nhăn nhó, má tôi nói khẩn khoản “coi kỹ giùm cái ống nhều giọt!”. Tối hôm ấy, tôi nhìn cái cánh tay mà sự sống chỉ còn là sự đau đớn nhức nhối, tôi phải tự hỏi: Tại sao?

Ở bệnh viện tôi không có thì giờ tự vấn. Phải giúp đỡ má tôi khạc nhổ, cho uống, xếp lại gối hay mái tóc, xê dịch cái chân, tưới hoa, mở cửa, đóng cửa, đọc nhật trình, trả lời những câu má tôi hỏi, lên dây chiếc đồng hồ để trên ngực, treo vào một cái dải đen. Má tôi khoan khoái mà trông cậy tất cả vào người khác và luôn luôn đòi hỏi chúng tôi phải chú ý đến mình. Nhưng khi tôi về nhà, những buồn nản và kinh hoàng trong mấy ngày gần đây mới đè nặng xuống vai. Và một cái ung thư cũng đang tàn phá người tôi: sự hối hận. “Đừng để cho họ mổ”. Tôi không làm gì để ngăn cản. Thường thường, khi người bệnh phải chịu cực khổ lâu, tôi bất bình vì thân quyến họ nọa tính: “Tôi, thì tôi giúp cho họ chết”. Lần thử thách thứ nhất tôi rùng tay: tôi

chối bỏ đạo đức của tôi, tôi chịu thua đạo đức của xã hội. Sartre bảo tôi: “Không phải thế, cô chỉ thua kỹ thuật thôi, cái đó mới tai hại”. Quả vậy, người ta bị kẹt vào lần răng bánh xe xã hội, bất lực trước lời thẩm định của bác sĩ chuyên khoa, dự tính của họ, quyết định của họ. Người bệnh trở thành vật sở hữu của họ, phải đến lời người bệnh ra khỏi tay họ! Chỉ có hai con đường đến thứ tư này: giải phẫu hay làm cho chết không đau đớn. Trái tim vững chắc lại được phục thuốc hồi sinh mạnh mẽ, mẹ tôi sẽ chịu đựng được tình trạng tắc ruột rất lâu và sống trong địa ngục, bởi vì y sĩ không dùng phương pháp làm u mê người bệnh để chết khỏi đau đớn. Tôi đã đến đây từ sáu giờ sáng. Nhưng liệu tôi có dám bảo bác sĩ N: “Để cho má tôi chết” không? Tôi đã gợi ý cho họ khi tôi nói: “Xin đừng làm cho mẹ tôi đau đớn”. Họ đã đối xử với tôi tàn nhẫn và làm ra người tin chắc bốn phận mình phải làm. Có lẽ họ sẽ bảo tôi: “Bà sẽ giảm bớt mấy năm tuổi thọ của cụ”. Và tôi sẽ phải thối lui. Suy nghĩ như thế tôi cũng không yên tâm. Tương lai vẫn làm cho tôi hãi hùng. Khi tôi 15 tuổi, chú Maurice tôi chết vì bệnh ung thư bao tử. Người ta nói rằng chú tôi rên la trong mấy ngày: “Giết tôi đi, đưa cho tôi khẩu súng, thương đến tôi”. Bác sĩ P có giữ lời hứa không: “Cụ nhà sẽ chết không đau đớn gì”. Một cuộc thi đua bắt đầu giữa sự chết và khổ hình. Tôi tự hỏi làm thế nào để sống sót khi một người thân của mình cầu khẩn: thương tôi với!

Cho dù cái chết thẳng thắn, đó cũng là một sự bịp bợm khả ố. Má tôi tưởng rằng chúng tôi gần gũi má tôi, nhưng chúng tôi đã ở phía bên kia cuộc đời của má tôi rồi. Tôi thấu hiểu tâm trạng người khác cho nên tôi biết mặt trái của việc đời, mẹ tôi đã ở xa, đã đang quẩn quại giữa sự cô đơn. Mẹ tôi kiên nhẫn, can đảm, cố gắng khỏi bệnh, tất cả đều do sự xếp đặt. Những sự đau khổ của má tôi đều không được đền bù, Khuôn mặt má tôi hiện lên: “Vì chích cái đó tốt”. Tôi thất vọng vì lỗi lầm của tôi, không bao giờ tôi chuộc được lỗi tuy tôi không có trách nhiệm về lỗi ấy.

Mẹ tôi qua một đêm yên tĩnh, người gác thấy bà xao xuyến nên không rời tay bà. Người ta đã tìm được cách đặt má tôi lên bô mà không đau đớn. Mẹ tôi đã bắt đầu ăn được, sẽ không phải tiếp huyết tương. Mẹ tôi van nài:

“Xin thôi từ tối nay!”. Bác sĩ trả lời: “Tối nay hay ngày mai”. Trong những điều kiện ấy, người gác tiếp tục ở bên má tôi, còn dì nó ở nhà bạn. Tôi hỏi ý kiến bác sĩ P: Sartre sẽ đáp máy bay đi Prague vào ngày hôm sau, tôi có đi với anh được không? “Bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nhưng tình trạng này cũng có thể kéo dài mấy tháng. Prague chỉ cách Ba-lê có một giờ rưỡi máy bay mà lại có thể gọi điện thoại dễ dàng”. Tôi nói cho má tôi biết dự định của tôi: “Con cứ đi, má không cần con lắm”. Tôi đi xa là mẹ tôi tin rằng đã thoát vòng nguy hiểm: “Họ đã đưa má từ xa về! Sưng màng ruột khi đã bảy mươi tám tuổi! May má còn ở bệnh viện này! May mà họ không mổ xương đùi”. Cánh tay trái không băng bó đã bớt sưng. Má tôi chăm chú đưa tay lên mặt; bà soát lại mũi và miệng: “Má còn cảm tưởng là mắt ở giữa má, mũi lộn ngược ở phía dưới mặt. Kỳ quá...”

Má tôi không có thói quen tự ngắm nghía. Bây giờ má tôi phải chịu để thể xác khu xử mình. Vì nặng nề thể xác, má tôi không thể bay bổng trên mây và không thể nói câu gì làm phiền lòng chúng tôi. Má tôi nói đến nhà thương Boucicaut là để phàn nàn cho những người bệnh phải ở phòng chung. Bà bệnh vực nữ khán hộ bị nha giám đốc bệnh viện lợi dụng. Mặc dù bệnh tình ngặt nghèo, mẹ tôi vẫn ý nhị như bà thường tỏ ra như vậy. Mẹ tôi sợ cô Leblon phải làm việc quá mức. Mẹ tôi cảm ơn và xin lỗi: “Phí bao nhiêu sinh lực cho một bà già, trong khi tuổi trẻ cần những sinh lực ấy!”. Mẹ tôi tự trách mình đã lấy hết thì giờ của tôi: “Con phải làm bao nhiêu việc mà con lại phải mất nhiều thì giờ ở đây: má rất buồn lòng!”. Má tôi để lộ kiêu hãnh và hối tiếc khi nói: “Các con ơi! Ta đã làm cho các con bối rối, chắc các con lo sợ”. Má tôi ân cần cũng làm cho chúng tôi cảm động. Sáng thứ năm, vừa tỉnh cơn hôn mê, người hầu buồng mang cơm sáng vào cho dì nó, má tôi nói qua hơi thở: “Ch... – Cha giải tội? – Không, cho mút vào”, má tôi nhớ dì nó hay ăn mút. Má tôi bận tâm với việc bán cuốn sách mới xuất bản của tôi. Cô Leblon bị chủ nhà trục xuất, má tôi theo đề nghị của dì nó, cho ở tạm phòng lớn của bà: thường thường má tôi không chịu để ai vào nhà mình lúc mình vắng mặt. Bệnh hoạn đã đập tan lớp vỏ thành kiến và hoài bão: có lẽ má tôi không cần những sự bảo vệ ấy nữa. Không có vấn

đề hy sinh, quên mình: bạn tâm hàng đầu của má tôi là khỏi bệnh nghĩa là nghĩ đến mình; má tôi chỉ biết có sở thích, có ý muốn của mình, không cần dẫn đo, má tôi giải trừ được sự oán hận. Má tôi thấy lại nụ cười và vẻ tươi đẹp thế là má tôi đã thỏa hiệp với chính mình, lúc hấp hối trên giường bệnh như thế cũng là một thứ hạnh phúc.

Chúng tôi hơi ngạc nhiên rằng má tôi không cho mời cha xưng tội đến, hôm thứ ba má tôi đã từ chối một lần. Trước ngày giải phẫu, má tôi đã bảo Martha: “Cháu cầu kinh cho bà đi, vì cháu biết chứ, khi người ta bệnh hoạn người ta không thể cầu kinh được”. Chắc rằng má tôi bạn tâm với ý muốn khỏi bệnh quá, không thể mệt trí với nghi lễ đạo giáo. Một hôm bác sĩ N bảo: “Cụ chóng lại sức thế, chắc là cụ tin tưởng Thượng Đế lắm. – Vâng! Tôi thân thiện với Thượng Đế, nhưng tôi không muốn đến thăm ông ngay”. Hưởng đời sống vĩnh viễn tức là chết, là từ bỏ nơi trần thế, nhưng má tôi không muốn chết. Hẳn là những người sùng đạo quen biết má tôi cho rằng chúng tôi đã cưỡng ép ý muốn của bà, họ định dùng phương pháp cưỡng ép chúng tôi. Tuy đã có biển “Xin miễn vào thăm”, một buổi sáng dì nó cũng thấy cửa mở ra trước một bộ áo thầy tu; dì nó từ chối mãnh liệt: “Tôi là cha Avril. Tôi đến thăm với tư cách người bạn – Cũng vậy thôi, trông thấy áo của cha là má tôi sợ”. Ngày thứ hai lại có người định vào: “Má tôi không tiếp ai”, dì nó vừa nói vừa kéo bà Saint-Ange ra ngoài. “Đành vậy. Nhưng tôi cần bàn bạc với cô một vấn đề rất quan trọng: Tôi biết sự tin tưởng của má cô... – Dạ, tôi cũng biết, dì nó nói cộc lốc như thế, má tôi vẫn sáng suốt. Ngày nào má tôi muốn tiếp cha xưng tội, chúng tôi sẽ cho mời lại”. Khi chúng tôi bay đi Prague, sáng hôm thứ tư, má tôi vẫn chưa muốn cho mời linh mục.

Đến trưa, tôi gọi điện thoại, Poupette nghe tiếng nói rõ ràng bèn hỏi: “Chị chưa đi à!”. Má tôi đã khá lắm rồi, ngày thứ năm cũng thế; ngày thứ sáu đã nói chuyện với tôi, má tôi nức lòng vì tôi gọi điện thoại về từ xa. Má tôi đọc sách một chút và chơi ô chữ. Thứ bảy tôi không gọi dây nói được. Đến chủ nhật, lúc mười một rưỡi, tôi xin số điện thoại của Diato. Trong khi tôi ở trong phòng đợi, người ta đưa cho một bức điện tín: “Má mệt lắm. Chị có về được không?”. Francine bảo rằng Poupette ngủ ở bệnh viện. Một lát sau Poupette ở đầu dây nói: “Một ngày khổ cùng cực, tôi không rời tay má, má nói khẩn khoản: đừng để má chết. Má chỉ sợ không được thấy mặt Simone. Bây giờ người ta cho uống thuốc ngủ, má đang ngủ”.

Tôi nhờ người gác cửa giữ chỗ máy bay ngày hôm sau cất cánh lúc sáu giờ rưỡi. Đã ký hợp đồng rồi, Sartre khuyên tôi nên đợi một hai ngày: không thể được. Tôi không cần phải trông thấy mặt má tôi trước khi má tôi chết, nhưng tôi không thể để cho má tôi không thấy mặt tôi. Tại sao lại gán một tầm quan trọng quá cho một thời khắc vì trong thời khắc làm gì có trí nhớ? Cũng không có sự đền bù. Tôi chỉ hiểu riêng cho tôi, hiểu đến tận xương tủy rằng người ta có thể đưa tuyệt đối vào trong những phút cuối cùng của một người chết.

Ngày thứ hai, lúc một giờ rưỡi, tôi bước vào phòng một trăm mười bốn. Biết tin tôi về, má tôi cho rằng tôi đã xếp đặt đúng như vậy. Má tôi gỡ cặp kính đen và mỉm cười với tôi. Ảnh hưởng của thuốc chỉ thống làm má tôi thư thái. Sắc diện đổi hẳn, nước da vàng ệch, một chỗ sưng phồng từ mắt bên phải chạy xuống, dài theo sống mũi. Tuy nhiên, trên các bàn đều

có hoa mới. Cô Leblon đã đi khỏi, má tôi không cần người gác riêng vì người ta đã bỏ cái ống nhều giọt đi. Chiều hôm tôi đi, cô Leblon bắt đầu tiếp huyết tương, công việc phải mất hai giờ: tĩnh mạch đã mệt mỏi chịu đựng, máu còn kém huyết tương. Má tôi rên la trong năm phút. Poupette bảo ngừng lại. Cô nữ khán hộ không chịu: “Bác sĩ N sẽ nói thế nào? – Tôi chịu trách nhiệm”. Quả nhiên bác sĩ N nổi giận: “Chỗ mổ sẽ chậm liền”. Tuy nhiên, ông ta biết rõ là vết thương không liền được; sẽ còn lại một cái lỗ hồng làm đồ ăn trong ruột thoát ra: như vậy ruột không bị bế tắc lần nữa vì sự tác động đã ngừng lại rồi. Mẹ tôi sẽ cầm cự được bao lâu nữa? Theo sự phân tích, chỗ sưng ruột là một ung thư rất độc, độc tố đã ngấm ra khắp cơ thể; nhưng sự tiến triển có thể lâu, vì tuổi tác.

Má tôi kể lại chuyện hai ngày gần đây. Thứ bảy má tôi đọc cuốn truyện của Simenon và thắng Poupette một bàn ô chữ. Trên bàn, từng chồng ô chữ do má tôi cắt ở nhật trình ra. Ngày chủ nhật, má tôi dùng bữa sáng với khoai nghiền, món ăn không tiêu được (thực ra má tôi đã trở bệnh nên người bị tàn phá). Má tôi qua một cơn mê sảng trong lúc tỉnh: “Má nằm trong tấm nệm xanh ở trên một cái hố, em con giữ cái nệm và má van lơn: Đừng để má tụt xuống hố... – Con giữ má đây, má không lăn xuống đâu”. Suốt đêm Poupette ngồi trong một chiếc ghế bành, thường thường má tôi vẫn nghĩ đến giấc ngủ của con, hôm ấy phải nói: “Đừng ngủ, đừng để má đi. Nếu má thiếp đi, gọi má dậy, đừng để má chết trong lúc ngủ. Em tôi kể lại rằng có lúc má tôi nhắm mắt, nom người mệt nhoài. Tay má tôi nín lấy nệm, miệng nói: “Sống! sống!”.

Để tránh những lúc kinh hoàng, thầy thuốc cho uống và chích thuốc an thần, má tôi đòi hỏi một cách thèm muốn. Suốt ngày má tôi tươi tỉnh. Má tôi còn thêm thắt vào cảm tưởng của mình: “Trước mặt má có một cái gì tròn tròn làm má nhọc mệt. Em mày không thấy. Tao đã bảo: Bỏ cái vật tròn ấy đi, nó không thấy cái gì tròn”. Đó là một mảnh kim khí đóng vào khung cửa, người ta đã hạ thấp bức màn xuống để che đi. Má tôi đã tiếp Chantal và Catherine, thỏa mãn và tuyên bố: “Bác sĩ P nói rằng má rất thông minh, má đã xử trí một cách rất thông minh: trong khi chỗ mổ lành

thì xương đùi cũng liền lại”. Đến tối, tôi đề nghị thay phiên em tôi đêm trước đã gần như không hề ngủ chút nào; nhưng má tôi quen ở với dì nó hơn, má tôi cũng cho rằng dì nó hiểu ý hơn vì đã chăm nom cho Lionel.

Ngày thứ ba được trôi chảy. Đến đêm má tôi mê sảng: “Người ta bỏ má vào một cái hòm. Má nằm đây, nhưng má nằm trong hòm. Mình vẫn là mình nhưng lại không phải mình nữa. Nhiều người đến mang hòm đi, má giẫy giụa: đừng để họ mang tao đi!”. Poupette để tay lên trán má rất lâu: “Con hứa, với má. Họ không đem má đi trong cái hòm ấy đâu”. Mẹ tôi đòi thêm thuốc ngủ. Lúc hết mê sảng, mẹ tôi hỏi: “Thế là nghĩa lý gì, cái hòm, những người ấy? – Má nhớ lại lúc mỗ đấy, những người khán hộ để má trên cáng chở đi”. Má tôi ngủ thiếp đi. Nhưng đến sáng mắt bà hiển hiện vẻ buồn rầu của con vật cùng đường chống cự. Khi nữ khán hộ thay giường, rồi để má tôi tiểu tiện bằng cái ống dẫn, má tôi đau đớn, má tôi hỏi bằng giọng người sắp chết: “Con nghĩ má có qua khỏi được không?”. Tôi phải nói nặng má tôi. Má tôi rụt rè hỏi bác N: “Ông có bằng lòng tôi không?”. Ông ta trả lời không có vẻ gì tin tưởng, nhưng má tôi bám lấy cái phao nổi ấy. Má tôi vẫn nghĩ ra những lý do rất hay để giải thích tại sao lại mệt quá như vậy. Vì người mất hết nước, vì món khoai nghiền khó tiêu; ngày hôm ấy má tôi trách mấy cô khán hộ hôm qua chỉ làm bằng bó có ba lần, đáng ra phải làm bốn lần. Má tôi kể lại: “Đến tối bác sĩ N nổi giận đùng đùng và sửa trị họ!”. Má tôi nhắc lại nhiều lần ra vẻ tán thành: “Ông ta nổi giận đùng đùng”. Trên mặt không còn gì là vẻ đẹp nữa; gân lại giật từng cơn; bây giờ giọng nói lại để lộ sự oán hờn và sự đòi hỏi nhiều.

Má tôi phàn nàn “má mệt quá”. Bà bằng lòng đến chiều sẽ tiếp linh mục Marthe, một nhà tu dòng Tên trẻ tuổi: “Má có muốn bãi bỏ cuộc tiếp rước này không? – Không. Má sẽ làm em con yên lòng. Để họ nói chuyện thần học. Má nhắm mắt nằm yên, không cần nói năng gì cả”. Má tôi chưa ăn sáng. Bà thêm thiếp ngủ, đầu cúi xuống ngực: Khi Poupette mở cửa vào, bà tưởng mọi việc đã xong xuôi. Charles Cordonnier đến và chỉ ở lại có năm phút. Anh nói đến những bữa tiệc mỗi tuần ba anh thường mời má tôi đến dự: “Tôi ước ao rằng sẽ được tiếp cụ tại nhà tôi ở đường Raspail

vào một bữa thứ năm gần đây”. Má tôi nhìn anh nảo nùng, không tin: “Anh cho rằng tôi còn đến được à?”. Chưa bao giờ tôi thấy má tôi có vẻ đau khổ như vậy: ngày hôm ấy má tôi cảm thấy mình không sống được nữa rồi. Chúng tôi nghĩ rằng lúc cuối cùng đã gần lắm cho nên Poupette đến mà tôi không về. Má tôi lẩm bẩm: “Nghĩa là bệnh thêm trầm trọng nên cả hai con cùng ở đây”. Một lần nữa tôi làm ra vẻ giận: “Con ở lại vì tinh thần má xuống. Nhưng nếu ở lại chỉ làm má áy náy thì con về đây. – Không, không”, má tôi vội thẹn thùng mà nói vậy. Tôi phải cứng rắn một cách bất công nên tôi rất buồn. Giữa lúc sự thật đè nặng lên má tôi và tôi cần nói để che lấp đi, chúng tôi lại bắt má tôi yên lặng; chúng tôi bắt buộc mẹ không được nói đến những thắc mắc, phải dồn nén những nghi ngờ: má tôi cảm thấy mình vừa có lỗi vừa không được người hiểu – như trong đời má tôi vẫn thường như thế. Nhưng chúng tôi không được lựa chọn: hy vọng cần cho má tôi hơn cả. Chantal và Catherine sợ hãi khi thấy mặt má tôi, vội vàng gọi điện thoại về Limoges khuyên mẹ mình về ngay.

Poupette đứng không vững. Tôi quyết định: “Đêm nay, tôi sẽ ngủ đây”. Mẹ tôi lo ngại: “Con biết cách không? Con biết để tay lên trán lúc má mê sáng không? – Con biết”.

Mẹ tôi lẩm bẩm, nhìn tôi trừng trừng: “Con hay làm cho má sợ”. Tôi vẫn lẩn át tinh thần mẹ tôi vì mẹ tôi cho rằng tôi thông minh, còn con thứ thì mẹ tôi cố ý cho rằng kém thông minh. Ngược lại, sự e lệ của mẹ tôi làm cho tôi lạnh giá. Lúc bé, tôi là đứa trẻ cởi mở; lớn lên tôi đã thấy những người lớn sống thế nào, mỗi người kín mít trong những bức tường riêng, có khi họ khoan ra một cái lỗ rồi bít ngay lại. Má tôi thì thầm với tôi ra vẻ quan trọng: “Họ đã tâm sự với má”. Hay người ta đã khám phá ra một kẻ hở: “Họ giấu giếm, họ không nói gì; nhưng hình như là...”. Lời thú nhận và chuyện ngồi lê có cái gì thâm lén làm tôi ghê tởm và tôi muốn xây cho tôi những thành trì không kẻ hở. Đối với mẹ tôi, tôi cố ý không tiết lộ tâm sự, phần vì sợ má tôi bối rối, phần vì tôi sợ cái nhìn của mẹ tôi. Chẳng bao lâu mẹ tôi không dám hỏi gì tôi nữa. Giải thích qua loa về thái độ vô tín ngưỡng của tôi, chúng tôi đã phải nỗ lực ghê gớm. Tôi khổ tâm khi thấy má

tôi khóc. Nhưng tôi hiểu ngay sau đấy rằng má tôi khóc vì thất bại chứ không để ý gì đến ý nghĩ thâm sâu của tôi. Má tôi thích sợ hãi tôi (vì cái thông minh trí thức của tôi) hơn là thân mật với tôi, điều đó đã làm tôi se người lại.

Tôi với má tôi còn có thể ăn ý với nhau, nếu đáng lẽ đi xin mọi người cầu nguyện cho linh hồn tôi, má tôi tín nhiệm và thông cảm với tôi một chút. Bây giờ tôi biết rõ cái gì đã ngăn cản má tôi: bà bận bịu phải trả đũa nhiều chuyện, phải hàn gắn nhiều vết thương, cho nên không thể đặt mình vào địa vị người khác. Trong lúc hành động, mẹ tôi hy sinh mình, nhưng vì bà là người dễ xúc động nên không thể thoát ra ngoài bản chất của mình được. Và chẳng, làm sao mẹ tôi có thể tìm hiểu tôi trong khi mẹ tôi né tránh không muốn nhìn vào thâm tâm của mình. Còn như bịa ra một điệu bộ để thân mật với tôi thì không có gì chuẩn bị cho mẹ tôi làm thế, cái gì không xếp đặt trước sẽ làm cho mẹ tôi hốt hoảng, bởi vì người ta đã dạy mẹ tôi chỉ được suy nghĩ, hành động và xúc động trong những khuôn khổ đúc sẵn.

Sự yên lặng giữa tôi và mẹ tôi đã trở nên dày đặc. Cho đến khi tôi xuất bản cuốn *L'Invitée*, mẹ tôi gần như không biết gì về đời sống của tôi. Má tôi muốn tự xác định cho mình rằng ít ra đối với thuần phong mỹ tục, tôi vẫn là người đứng đắn. Dư luận đã làm tiêu tan ảo tưởng của má tôi, nhưng đến lúc ấy mối liên lạc của chúng tôi đã thay đổi. Má tôi phải nhờ tôi về vật chất; má tôi quyết định việc nhà vẫn hỏi ý kiến tôi: tôi là trụ cột của gia đình, là con trưởng. Và lại tôi là một nhà văn có tiếng tăm. Hoàn cảnh ấy miễn thứ được phần nào cuộc sống thất thường của tôi, và chẳng may tôi cũng ráng cho chỉ là thất thường trong một phạm vi tối thiểu: một trường hợp hôn nhân tự do cũng không trái đạo bằng một cuộc hôn nhân dân sự. Thường thường má tôi cho rằng nội dung những sách tôi viết rất chướng tai, nhưng bà nức lòng vì sách của tôi viết đã thành công. Nhưng vì sách đó làm cho tôi có thêm uy tín đối với mẹ tôi cho nên mẹ tôi càng thêm bứt rứt. Tôi đã cố sức tránh không tranh luận với mẹ tôi – mà có lẽ chính vì tôi muốn tránh cho nên mẹ tôi nghĩ rằng tôi xét đoán nghiêm khắc mẹ tôi. Còn Poupette, “con bé con”, không được má tôi nể vì như tôi.

Tuy ảnh hưởng má tôi đến dì nó ít hơn, nhưng dì nó không thừa hưởng tính bướng bỉnh – dì nó thành thơi hơn tôi khi tiếp xúc với mẹ. Khi xuất bản cuốn *Mémoires d'une jeune fille rangée*, mẹ tôi đã tìm hết cách làm nguôi lòng dì nó. Còn tôi, tôi chỉ mang lại cho em một bó hoa và xin lỗi một tiếng, dì nó cũng cảm động và kinh ngạc. Một hôm má tôi bảo tôi: “Cha mẹ không hiểu con cái, nhưng ngược lại con cái cũng không hiểu cha mẹ”; chúng tôi nói đến những chỗ hiểu lầm nhau đó, nhưng chỉ nói một cách đại quát. Rồi chúng tôi không trở lại vấn đề nữa. Tôi gõ cửa. Một tiếng than khẽ, tiếng giày lê trên sàn, lại một tiếng thở dài, tôi tự hứa với tôi lần này sẽ tìm được đầu đề nói chuyện, được mảnh đất thỏa hiệp. Chỉ năm phút sau, tôi thua cuộc rồi: tôi với má tôi có rất ít điểm đồng ý với nhau! Tôi xem đến những sách má tôi đọc: chúng tôi không đọc cùng một loại sách. Tôi gợi cho má tôi nói, tôi nghe, tôi bình luận. Nhưng vì bà là má nên những lời chê trách còn ray rứt hơn lời chê trách của người ngoài. Tôi cũng se thắt người lại như hồi còn hai mươi tuổi khi mẹ tôi tìm cách thân mật với tôi bằng cái vụng về thường ngày. “Má biết rằng, con thấy má không thông minh. Nhưng dù sao má cũng truyền lại cho con cái sinh khí của con bây giờ, điều đó làm cho má vui lòng”, về điểm cuối cùng này, tôi sẵn sàng đứng về quan điểm của má tôi, nhưng phần đầu câu nói đã làm tôi mất hứng khởi.

Như thế là chúng tôi tự làm cho nhau tê liệt. Mẹ tôi muốn nói những điều trên đây khi mở to mắt nhìn tôi: “Còn con, con làm cho má sợ”.

Tôi mặc cái áo ngủ của dì nó và nằm xuống giường bên cạnh giường má tôi: về phần tôi, tôi cũng có những sự lo nghĩ. Tối đến căn phòng trở nên ảm đạm, má tôi đã cho buông màn xuống, chỉ có ngọn đèn đầu giường le lói. Tôi cho rằng cái tối làm cho sự bí mật bí ai càng thêm dày đặc. Nhưng thực ra đêm nay và ba đêm kế, tôi ngủ ngon hơn ở nhà tôi, khỏi áy náy vì cái máy điện thoại và những sự tưởng tượng lộn xộn: tôi nằm đó không nghĩ đến gì cả.

Má tôi không mê sảng. Đêm thứ nhất, má tôi hay tỉnh dậy đòi uống nước. Đêm thứ hai, xương cùng đau, cô Cournot đặt má tôi nằm nghiêng

bên phải, nhưng cánh tay phải làm cho đau đớn. Người ta đặt nằm lên cái nệm cao su tròn, chỗ đau giảm được phần nào, nhưng có thể làm hư da móng đã suy nhược và bầm lại. Thứ sáu và thứ bảy, má tôi ngủ được gọi là. Trong ngày thứ năm, nhờ có thuốc chỉ thống, má tôi trở lại tin tưởng. Má tôi không hỏi: “Má có thể qua khỏi được không?” nhưng hỏi: “Liệu má có thể trở lại sống bình thường được không? Má tôi sung sướng mà nói: “À, ngày hôm nay má nhìn thấy con, hôm qua má không thấy!”. Ngày hôm sau, Jeanne ở Limoges về nhận thấy má tôi không đến nỗi tiêu tụy như cô ấy vẫn lo. Cô ấy nói chuyện với má tôi gần một tiếng. Sáng thứ bảy cô trở lại với Chantal, mẹ tôi hí hửng nói rằng: “Không phải ngày mai sẽ đưa ma tôi đâu! Tôi sẽ sống đến trăm tuổi, phải giết tôi, tôi mới chết”. Bác sĩ N phải bối rối: “Đối với cụ nhà không thể dự đoán gì trước: cụ nhà có sức sống mạnh đến thế!”. Tôi nói lại với má tôi câu sau: “Phải, má có sức sống mạnh!”. Má tôi lấy làm thỏa mãn mà công nhận như vậy. Má tôi hơi ngạc nhiên: ruột không tác động nữa mà bác sĩ hình như không để ý đến. “Điều cần thiết là nó đã tác động: như vậy tỏ ra nó không bị tê liệt. Các bác sĩ đều thỏa mãn – Nếu họ thỏa mãn thì đó là điều cần nhất”.

Tối thứ bảy, trước khi đi ngủ, chúng tôi nói chuyện với má: “Lạ thật! Mẹ tôi nói ra vẻ mơ màng, khi má nghĩ đến cô Leblon, má thấy cô ta ở trong phòng này, một thứ hình nộm, phồng lên, không có tay, y như trong cái máy ép. Bác sĩ P là một miếng giấy đen trên bụng má. Bởi vậy má nhìn thấy ông bằng xương bằng thịt. Thật là kỳ dị”. Tôi bảo: “Má thấy không, má quen với sự có mặt của con rồi đó, con không làm cho má sợ. – Đâu có! – Má nói rằng con làm cho má sợ – Má nói thế à? Thật là tức cười”.

Tôi cũng vậy, tôi đã quen với cảnh sống này. Tôi đến vào lúc tám giờ tối; Poupette cho biết tin tức trong ngày; bác sĩ N qua thăm. Cô Cournot đến và tôi đọc sách trong phòng ngoài khi cô ta thay băng. Mỗi ngày bốn lần đẩy vào phòng một cái bàn có bánh xe đầy băng, vải, gòn, hộp băng sắt, chậu thau, kéo; tôi cẩn thận quay mặt đi khi cô ta đi trở ra. Cô Cournot cùng một người giúp việc rửa ráy cho mẹ tôi và đặt nằm lại để ngủ đêm. Tôi đi nằm. Trong khi tôi ngồi đọc sách dưới ánh đèn ở đầu giường thì cô

ta tiêm thuốc cho má tôi rồi đi uống một tách cà phê. Cô trở lại, ngồi gần cửa ra vào để ngó trông ra lối vào để có chút ánh sáng; cô ta đọc sách và đan áo. Người ta nghe thấy tiếng động êm êm của cái máy điện làm rung rinh chiếc nệm. Trong lúc băng bó, tôi quay mặt vào tường, may mà bệnh cảm làm nghẹt mũi; Poupette không chịu được mùi hôi thối; tôi không ngửi thấy gì cả, trừ mùi nước hoa tôi thường thoa lên trán và má mẹ tôi, tôi thấy mùi nước hoa nồng và khó chịu, có lẽ tôi sẽ không thể dùng được nhãn hiệu này nữa.

Cô Cournot đi khỏi, tôi mặc áo và ăn sáng. Tôi pha cho má tôi một thứ thuốc trắng trắng, mẹ tôi bảo rằng rất khó uống, nhưng làm cho dễ tiêu hóa. Rồi cho má tôi uống từng muỗng nước trà ngâm bánh bích quy. Người hầu buồng dọn dẹp. Tôi sửa sang bình hoa và tưới hoa. Thường thường chuông điện thoại reo vang; tôi chạy sang phòng ngoài; tôi đóng cửa lại nhưng vẫn sợ mẹ tôi nghe được, nên thận trọng lời nói. Má tôi cười khi tôi kể lại: “Bà Raymond hỏi thăm má xương đùi đã bớt đau hay chưa. – Bà ta chẳng hiểu gì cả!”. Một cô nữ y tá cũng thường gọi tôi: bạn bè và người thân thích của má tôi đến hỏi thăm. Thường thường má tôi không có sức để tiếp khách nhưng má tôi rất bằng lòng được người ta nghĩ đến mình. Lúc băng bó, tôi ra ngoài. Rồi tôi giúp má tôi dùng cơm: má tôi không nhai được nên chỉ ăn đồ nghiền, đồ nấu nhừ, đồ băm nhỏ, mút trái cây và kem; mẹ tôi cố ăn hết đĩa: “Má không muốn chết”. Cách hai bữa ăn, má tôi uống từng hớp nhỏ nước trái cây tươi: “Trong này có nhiều sinh tố, má uống rất tốt”. Độ hai giờ thì Poupette đến. Má tôi nói: “Má rất ưa thói quen sống như thế này. Một hôm, má tôi nói ra vẻ hối tiếc: “Đáng buồn là lúc có cả hai con bên mình thì lại đau ốm!”

Tôi thấy yên tĩnh hơn trước khi ở Prague. Bây giờ má tôi đã thành hẳn một cái cây ma còn sống. Đời sống thu gọn lại trong kích thước căn phòng bệnh. Khi tôi đi tắc xi qua Ba-lê, tôi chỉ thấy một khung cảnh người qua lại câm lặng. Đời sống thực sự của tôi diễn ra ở gần mẹ tôi và chỉ có một mục đích: bảo vệ mẹ tôi. Đêm đến, một tiếng kêu nhỏ cũng hóa ra lớn: tiếng sột sạt cô Cournot mở tờ nhật trình, tiếng u u cái máy điện. Ban ngày, tôi bỏ

giày đi bít-tất không. Tiếng đi lại ngoài cầu thang trên đầu chúng tôi như xé màng tang. Đến mười một rưỡi, tôi còn khó chịu vì tiếng âm âm những cái bàn đẩy trên bánh xe đựng đầy những đĩa sắt. Thùng ga-men đựng nhau loảng xoảng. Tôi nổi giận vì mẹ tôi đang thêm thiệp ngủ, một người hầu buồng ngủ xuân vào hỏi thực đơn ngày hôm sau: thử ăn với xốt hay gà quay? Tôi cũng bực mình khi đến bữa trưa, người ta mang lại món thịt băm không ngon thay thế món óc. Tôi cũng như má tôi, có cảm tình với cô Cournot, cô Laurent, các cháu Martin và Parent; bà Gontrand, tôi cũng cho là hay nói quá: “Bà kể chuyện buổi chiều được nghỉ đã đi mua giày cho con; má biết chuyện ấy để làm gì?”.

Chúng tôi không ưa cái bệnh viện này nữa. Các cô nữ y tá tươi cười và chăm chỉ đều bận việc túi bụi, họ bị đối xử rất nghiêm khắc mà lương ít ỏi. Cô Cournot mang cà phê đến. Người ta chỉ cho dùng nước sôi thôi. Người gác đêm cũng không được một phòng tắm hay một phòng rửa mặt để rửa ráy và trang điểm sau một đêm phải thức. Cô Cournot bối rối kể lại những chuyện rắc rối với người giám thị. Cho đến hôm sau nữa, má tôi còn bất bình mà nhắc lại câu này: mục giám thị vẫn thích vào bè với người này để chèn ép người kia. Một buổi tối cô bạn của Cournot vào trong phòng khóc lóc: người bệnh của cô nhất định không nói một lời với cô nữa. Những cô gái này hàng ngày dây dưa với những tấn kịch nghề nghiệp nhưng các cô không hề quen để chịu đựng những thảm kịch vụn vặt của đời sống tâm tư.

Poupette nói: “Người ta cảm thấy mình thành người dưng”. Tôi, tôi thản nhiên chịu đựng chuyện trò dớ dẩn, bông đùa sáo rỗng: “Mày đã chơi một vở cay cho giáo sư H! – Đeo kính đen đó nom mày giống Greta Garbo!”. Những ngôn từ ung thối trong miệng tôi. Tôi có cảm tưởng rằng ở đâu mình cũng đóng kịch. Nói chuyện với người bạn cũ về việc dọn nhà, lời nói vồ vập của tôi có vẻ như dối trá; tôi có cảm tưởng như nói dối một cách trang nghiêm khi tôi ngay thật xác định với người quản lý một quán rượu bia: “Rượu ngon lắm”. Vào những lúc khác, hình như cuộc đời đã ngụy trang. Một khách sạn, tôi thấy hóa ra một bệnh viện; tôi cho những cô

hầu phòng là nữ khán hộ; các cô chiêu đãi ở tiệm ăn cũng thế: họ theo một phương thuốc là ăn uống. Tôi nhìn mọi người với cặp mắt mới, vì họ bị ám ảnh bởi những ống rắc rối ở dưới lớp quần áo của họ. Chính tôi, có khi tôi cũng biến thành một cái bơm vừa hút vừa thổi, hay thành một hệ thống túi và ống cao su.

Poupette đã bị kích động thần kinh. Còn tôi bị tăng huyết áp, máu xông lên đầu. Điều khổ tâm cho chúng tôi hơn cả là má tôi hấp hối rồi lại hồi sinh, là sự mâu thuẫn của chúng tôi. Trong cuộc thi đua giữa sự đau đớn và cái chết, chúng tôi ước mong cho cái chết thắng cuộc. Nhưng khi má tôi ngủ, mặt không còn cử động, chúng tôi lo ngại mà nhìn cái dải đen đeo đồng hồ khế đưa lên đưa xuống trên tấm áo trắng: nghĩ đến cơn quần quai cuối cùng, chúng tôi sợ hãi đến thắt ruột lại.

Má tôi được vô sự khi tôi từ giã má tôi, hôm chủ nhật, vào lúc quá trưa. Sáng thứ hai, bộ mặt gầy nhom của má tôi làm tôi sợ hãi; đã thấy rõ là những ổ vi trùng tàn phá tế bào giữa lớp da và bộ xương. Đến mười giờ tối, Poupette trao một mảnh giấy vào tay người canh gác: “Tôi có cần gọi chị tôi không?”. Người gác lắc đầu: trái tim còn chịu đựng được. Nhưng những cực khổ khác lại sắp xảy đến. Bà Gontrand đã chỉ cho tôi thấy sườn bên phải của má tôi: nước rỉ ra từ lỗ chân lông, khăn đệm ướt đầm. Mẹ tôi gần như không tiểu tiện nữa, thịt sưng lên. Má tôi nhìn bàn tay và cử động những ngón sưng húp. Tôi bảo: “Vì không có vận động nên như thế đó”. Nhờ có nha phiến và thuốc chỉ thống làm cho yên tĩnh, mẹ tôi biết mình mệt nhưng vẫn kiên tâm: “Em con nói cho má biết một điều rất có ích: rồi đây má lại thấy mệt. Như vậy má biết rằng má mệt cũng là thường”. Má tôi tiếp bà Saint-Ange một phút và nói với bà rằng: “Bây giờ, tôi đã khá lắm!”. Một nụ cười làm lộ hàm răng: đây đã là cái nhếch mép ghê rợn của một bộ xương, nhưng mắt còn sáng lên một vẻ ngây thơ nóng nảy. Sau bữa ăn, má tôi thấy vầng vất; tôi gọi nữ khán hộ hai ba lượt; điều tôi nghĩ đến đã thực hiện, má tôi thở hắt ra làm tôi kinh hãi. Uống một viên thuốc lại hồi.

Đến tối, tôi tưởng tượng má tôi chết, tim tôi muốn đảo lộn. “Má khá hơn, nếu nói một phần nào trong cơ thể”, sáng ra Poupette bảo tôi thế, và

người tôi rã rời vì tin tức ấy. Má tôi khỏe khoắn đến nỗi có thể đọc được vài trang Simenon. Đêm đến má tôi đau lắm: “Chỗ nào cũng đau!”. Người ta chích a phiến. Đến sáng, khi má tôi mở mắt ra, mắt đã trong vắt, tôi nghĩ “Lần này thì thật hết”. Má tôi ngủ lại. Tôi hỏi N: “Đã đến giờ cuối cùng chưa? – Ồ! Chưa, người ta đã hồi sinh cụ chu đáo quá!” Ông ta nói một giọng nửa thông cảm, nửa đắc thắng. Như vậy thì má tôi sẽ chết vì đau đớn chẳng? *Giết chết tôi đi. Đưa cho tôi khẩu súng. Thương đến tôi.* Má tôi nói: “Đau đớn khắp mình”. Má tôi cử động những ngón tay sưng lớn mà lo ngại. Má tôi đã mất tin tưởng: “Những ông bác sĩ này, họ bắt đầu làm cho tao bực mình. Họ vẫn nói rằng tao khá hơn, mà tao thì thấy yếu đi nhiều”.

Tôi quen luyện người hấp hối này.

Khi tôi nói chuyện với má tôi trong chỗ hơi tối này, mỗi hận lòng ngày trước được xoa dịu: tôi gây lại cuộc đối thoại đã bị gián đoạn từ thuở tôi mới lớn lên, vì những điểm tương đồng tương dị giữa hai người, chưa bao giờ chúng tôi nổi lại được cả.

Sự thương yêu mà tôi tưởng đã tắt hẳn lại hồi sinh khi má tôi có thể dùng đến lời lẽ và cử chỉ giản dị.

Tôi nhìn mẹ tôi. Mẹ tôi nằm đấy, có mặt, có ý thức, nhưng hoàn toàn không biết những gì đang xảy ra cho mình. Không biết cái gì xảy ra trong người là việc thường. Nhưng phía bên ngoài thân thể mình cũng không biết gì cả: vết thương ở bụng, chỗ lỗ hồng ở ruột không liền để phân trong bụng thoát ra, nước da màu xanh bầm, nước rỉ từ chân lông ra; tay má tôi gần như tê liệt không thể sờ đến người được, khi người ta băng bó thì má tôi ngửa đầu ra đằng sau. Má tôi không hỏi đến cái gương soi nữa: đối với bà không có cái mặt người sắp chết ấy. Má tôi nằm nghĩ và mơ màng, ở xa vô chừng cái xác thịt thối rữa của mình, bên tai vang dội những lời dối trá của chúng tôi. Má tôi dồn hết mình vào một hy vọng say mê: khỏi bệnh. Tôi những muốn tránh cho má tôi những cái khó chịu vô ích: “Má không cần uống thứ thuốc ấy nữa. – Để má uống thì hơn”. Và má tôi uống thứ nước trắng như thạch cao. Mẹ tôi ăn một cách khó khăn: “Má đừng ăn cố, ăn như

thế đủ rồi – Con tưởng thế chứ!”. Má tôi ngăm nhìn cái đĩa, lưỡng lự: “Cho má chút nữa”. Sau cùng tôi phải giấu đĩa đi: “Má ăn hết rồi”. Má tôi tự bắt mình ăn một cốc sữa chua mỗi buổi quá trưa, và thường hỏi nước trái cây. Bà sẽ cử động cánh tay, giơ hai bàn tay khoanh lại làm hình cái chén, bà thông thả, cẩn thận sờ soạng, cầm lấy cái ly vẫn ở trong tay tôi. Má tôi hút những sinh tố tốt lành qua một cái ống nhỏ: một cái miệng quỳ hau hau nuốt lấy sự sống.

Trên bộ mặt khô đét, hai mắt như to ra quá sức, má tôi mở rộng ra nhìn trừng trừng; má tôi để hết tâm trí và cố gắng phi thường để thoát khỏi sự hôn mê mà ngoi lên trên mặt những hồ ánh sáng đen; bà nhìn tôi một cách chăm chú thâm đậm, như bà mới phát minh ra cái nhìn. “Má nhìn thấy con!”. Mỗi lúc má tôi lại phải đoạt lấy cái nhìn ấy trong cõi tối tăm. Nhờ cái nhìn đó, má tôi bầu vịu lấy cuộc sống như móng tay bầu vịu lấy khăn nệm, để khỏi lặn xuống vực thẳm. “Sống! Phải sống!”.

Chiều thứ tư này, ngồi trong tắc-xi đưa tôi đi, tôi buồn làm sao! Tôi thuộc lòng đường đi qua những khu phố đẹp đẽ: Lacôme, Houbigant, Hermès, Lanvin. Thường thường một cái đèn đỏ làm tôi phải ngừng lại tiệm Cardin: tôi trông thấy trưng bày mũ nỉ, áo ghi-lê, khăn quàng, giày cắt cổ, giày có cổ, những đồ vật không mấy lịch sự. Xa xa, là những chiếc áo mặc trong nhà lông xù, màu dịu dàng; tôi nghĩ: “Mình sẽ mua cho má một cái để thay thế cái áo choàng đỏ”. Nước hoa, áo lông, quần áo, nữ trang: sự ngạo mạn xa xỉ trong một thế giới không có chỗ cho sự chết; nhưng sự chết phủ phục sau cái mặt tiền ấy, trong sự bí ẩn xám xịt của những bệnh viện, nhà thương, căn phòng kín cửa. Và tôi không biết chân lý nào khác.

Đến thứ năm, cũng như mọi ngày, sắc diện má tôi làm tôi giật mình: hốc hác và bối rối hơn hôm trước. Nhưng má tôi nhìn rõ. Má tôi nhìn kỹ tôi: “Má nhìn con, tóc con màu nâu – Vâng, má đã biết rồi mà – Con và em con, cả hai đứa đều có một món tóc trắng lớn. Như thế để má bám vào, khỏi ngã”. Má tôi cử động ngón tay: “Ngón tay hết sừng phải không?”. Má tôi đã ngủ. Khi mở mắt ra, bà nói: “Khi má thấy một cái tay áo trắng thì má biết rằng mình sắp tỉnh dậy. Khi ngủ, mình ngủ trong cái váy”. Những kỷ

niệm gì, những ám ảnh gì đã quấy rối má tôi? Má tôi vẫn sống quay ra cuộc đời bên ngoài và tôi phải xúc động vì thấy má tôi bỗng lạc lõng trong thâm tâm mình. Má tôi không muốn người ta đưa mình ra ngoài nữa. Hôm ấy, một người bạn, cô Vauthier kể cho má tôi nghe chuyện một người nội trợ, cô ta nói nhiều quá. Tôi phải dắt cô ta đi khỏi vì má tôi đã nhắm mắt lại. Khi tôi trở lại, má tôi bảo: “Không nên nói những chuyện ấy với người bệnh, họ chẳng để ý gì đến cả”.

Đêm ấy tôi ở gần má tôi. Má tôi cũng sợ ác mộng như sợ sự đau đớn. Khi bác sĩ N đến, má tôi yêu cầu: “Cứ chích thuốc cho tôi, cần bao nhiêu thì cứ chích bấy nhiêu”. Vừa nói vừa giơ tay làm như nữ y tá đâm mũi kim chích. “À! Cụ muốn trở nên một người nghiện thuốc xái thực sự!”. Bác sĩ N nói thế và tiếp theo bằng giọng bồn chồn: “Tôi có thể cung cấp a phiến cho cụ với giá rất rẻ”. Mặt ông sa sầm lại và nói với tôi giọng gay gắt: “Có hai điều mà thầy thuốc biết tự trọng không thể coi nhẹ được: thuốc phiện và thôi thai”.

Thứ sáu qua đi không có chuyện gì. Thứ bảy má tôi ngủ suốt ngày. Poupette nói: “Má nghỉ ngơi được như thế. Tốt lắm”. Má tôi thở dài: “Ngày hôm nay má không sống”.

Khi người ta yêu đời tha thiết như vậy mà phải chết thì cơ cực quá. Tối hôm ấy các y sĩ bảo tôi: “Cụ có thể chịu đựng được hai ba tháng nữa”. Như vậy, chúng tôi phải tổ chức cuộc sống, phải để cho mẹ tôi quen với sự vắng mặt của chúng tôi trong vài giờ. Hôm trước chồng dì nó qua Ba-lê, đêm ấy nó định để má tôi một mình với cô Cournot. Cô ta sẽ đến buổi sáng, Marthe vào lúc hai rưỡi, tôi, lúc năm giờ.

Đến năm giờ, tôi đẩy cửa vào. Mành mành đã hạ xuống, trong nhà gần tối đen. Marthe cầm tay má tôi, má tôi nằm nghiêng bên phải, vẻ mệt mỏi, thiếu ngủ: vẩy mực ở móng bên trái tuột ra, nằm như thế bứt đau, nhưng khó chịu lắm. Má tôi lo âu mà đợi Poupette và Lionel đến tận mười một giờ, vì người ta đã quên gài dây chuông gọi vào nệm, nút chuông ở ngoài tầm với, mẹ tôi không có cách nào gọi người làm cả. Bạn của má tôi, bà

Tardieu đã đến thăm, nhưng mẹ tôi vẫn bảo dì nó rằng: “Con để phó mặc má cho đồ súc vật!” (Má tôi ghét những cô y tá làm chủ nhật). Má tôi đã vui vẻ mà trêu chọc Lionel: “Anh muốn cho mẹ vợ khuất mặt đi cho rảnh phải không? Lại chưa phải lần này đâu”. Sau bữa cơm sáng, phải nằm một mình, má tôi lại khắc khoải. Má tôi nói giọng run run: “Không nên để má một mình, má còn yếu quá. Không nên phó mặc má cho đồ súc vật! – Từ nay con không để má một mình nữa”.

Marthe đi khỏi. Má tôi chợp ngủ rồi giật mình tỉnh dậy: mông bên phải đau. Bà Gontrand đặt má tôi nằm lại. Má tôi vẫn kêu đau. Tôi muốn bấm chuông gọi nữa: “Vô ích. Lại vẫn là Gontrand mà thôi. Bà ta không biết”. Không phải má tôi tưởng tượng ra mình đau đớn. Sự đau đớn có nguyên do thể chất đích xác. Tuy nhiên đau đớn dưới mức độ nào đó, cô Parent hay cô Martin có thể làm cho bớt đau; cũng vẫn một cách chăm nom mà bà Gontrand không làm được gì cho má tôi. Nhưng rồi má tôi cũng ngủ được. Đến sáu rưỡi, má tôi vui vẻ ăn được chút canh và chút kem. Rồi bất thần má tôi rên la, mông bên phải như lửa bỏng. Không có gì lạ cả. Người má tôi như bị lột da, dầm trong nước tiểu rỉ rỉ tiết từ trong người ra; đầu ngón tay các cô y tá bị phỏng vì thay nệm cho má tôi. Tôi hoảng hốt bấm chuông gọi hoài: sao giờ phút đi lâu thế! Tôi cầm tay, sờ trán má tôi, tôi nói: “Người ta sẽ chích thuốc cho má. Má sẽ hết đau. Một phút nữa thôi, chỉ một phút nữa thôi”. Má tôi gò người lại, rên la gần như gào thét: “Rất quá, ghê gớm quá, má chịu không nổi, má chết mất”. Má tôi nấc lên: “Khổ sở quá”, giọng như giọng con nít, như xé ruột xé gan tôi. Má tôi thật là cô đơn! Tôi sờ vào người má tôi, tôi nói với má tôi, nhưng không thể bước vào trong sự đau đớn của má tôi được. Tim má tôi đập dồn dập, mắt đảo ngược, tôi nghĩ: “Má chết mất” và má tôi khẽ nói: “Má ngắt xiu này!”. Rồi bà Gontrand tiêm cho một mũi a phien. Không có kết quả.

Tôi bấm chuông gọi nữa. Tôi phải rùng mình khi nghĩ rằng cơn đau có thể xảy ra vào lúc sáng, lúc không có ai bên cạnh, không có cách gì để gọi ai cả: bây giờ không thể rời má tôi phút nào. Lần này y tá cho má tôi uống thuốc chỉ thống, thay nệm, thoa chỗ đau bằng thứ thuốc óng ánh kim khí.

Đã hết rát; cơn đau chỉ độ 15 phút: tưởng như bất tận. Ông ta đã la hét trong mấy giờ đồng hồ. Má tôi nói: “Như thế thì hèn quá, hèn quá!”. Phải rồi: kêu khóc thì hèn quá. Tôi không hiểu được mấy ông bác sĩ nữa, không hiểu được em tôi và cả tôi nữa. Không có gì ở đời biện hộ cho những phút chịu cực hình vô ích như thế.

Sáng thứ hai, tôi nói chuyện bằng điện thoại với Poupette: Phút cuối cùng của má đã sắp đến. Chỗ thủy thùng không xẹp đi được; bụng không liền da được. Thầy thuốc nói với y tá rằng chỉ còn cách cho uống thuốc an thần để người u mê không biết gì nữa.

Đến hai giờ, trước cửa số 114, tôi gặp em tôi, nom như người mất hồn. Dì nó nói với cô Martin: “Xin đừng để cho má tôi đau như hôm qua – Thưa bà, tiêm nhiều thuốc thế chỉ để da khô tróc cứng chứ ngày nào đã lên cơn đau dữ thì a phiền không còn hiệu lực nữa”. Hỏi vặn thì cô ta nói rằng thường thường những trường hợp như má tôi, người bệnh chết trong những cơn đau đốn kinh khủng. *Thương tôi với. Giết tôi đi.* Thế ra bác sĩ P đã nói dối à? Tôi định tìm một khẩu súng bắn chết má tôi, hay bóp cổ cho má tôi chết. Mơ tưởng hào huyền và lãng mạn. Nhưng tôi không thể nghe má tôi la hét hàng giờ. “Thôi ta đến nói với bác sĩ P”. Ông ta đến và chúng tôi xoắn lấy ông ta: “Ông đã hứa là mẹ tôi không đau đốn gì – Cụ không đau đâu”. Ông nói cho biết rằng nếu muốn kéo dài để má tôi chịu cực hình một tuần nữa thì phải mổ lần nữa, truyền máu và chích thuốc khỏe. Phải, cả ông N cũng nói với Poupette sáng nay: “Chúng tôi đã làm tất cả những gì phải làm nếu còn một chút hy vọng. Bây giờ còn kéo dài cơn hấp hối thì chỉ là một hình thức bạo dân”. Nhưng chúng tôi không đủ tin. Chúng tôi hỏi ông P: “Nếu đau đốn thái quá, a phiền có công hiệu gì không? – Chúng tôi sẽ tiêm những liều cần thiết”. Ông ta nói một cách cả quyết làm chúng tôi yên tâm. Chúng tôi bớt lo lắng. Ông ta vào buồng má tôi để buộc lại băng. Chúng tôi bảo ông: “Má tôi ngủ – Cụ không biết tôi có mặt ở đây”. Có lẽ má tôi vẫn còn ngủ khi ông ta đi ra. Nhưng tôi nhớ lại những nỗi khắc khoải của má tôi lúc ban sáng, tôi bảo Poupette: “Đừng để cho má mở mắt ra thấy mình trơ trọi không có ai cả”. Em tôi đẩy cửa ra, vội quay lại, mặt

cắt không còn hột máu, ngã xuống ghế dài và thốn thức: “Tôi trông thấy bụng má rồi!”. Tôi vội đi kiểm thuốc an thần. Khi bác sĩ P trở lại, dì nó bảo ông ta: “Tôi đã trông thấy bụng má tôi rồi! Thật là kinh khủng! – Không có gì đâu, thế là thường”, ông ta trả lời, hơi có vẻ bối rối. Poupette nói: “Người má đã thối rửa tuy má còn sống.”, tôi không dám hỏi câu nào nữa. Chúng tôi hỏi chuyện nhau. Rồi tôi ngồi bên cạnh giường má tôi: tôi tưởng rằng má tôi đã chết nếu không có dải lụa đen phấp phồng trên cái áo choàng trắng. Vào khoảng sáu giờ, má tôi mở mắt ra: “Mấy giờ rồi? Ta không biết nữa. Tối rồi đấy à? – Má ngủ suốt buổi chiều – Má ngủ bốn mươi tám tiếng à! – Đâu có”. Tôi kể lại những việc xảy ra hôm trước. Má tôi nhìn qua cửa kính ra ngoài xa, nhìn đêm tối và những biển quảng cáo đèn nê-ông. “Ta không hiểu”, má nhắc lại, vẻ bức tức. Tôi nói cho má tôi biết những người đến thăm, những người kêu điện thoại hỏi má. Má tôi nói: “Má chẳng thiết nữa”. Má tôi nhắc đi nhắc lại sự kinh ngạc của mình: “Mình nghe rõ thầy thuốc nói: phải làm cho u mê không biết gì nữa”. Họ đã thiếu sự ân cần vậy. Tôi giải thích: Không cần phải chịu đau như hôm qua; bây giờ để cho má ngủ nhiều đợi những chỗ tróc cứng lên da non. Má tôi nói, có vẻ trách móc: “Phải, nhưng mất bao nhiêu ngày trời!”.

“Hôm nay mình không sống – Mình mất bao nhiêu ngày trời”. Mỗi ngày đối với má tôi có một giá trị không gì thay thế được. Thế mà má tôi sắp chết rồi. Má tôi không biết, nhưng tôi, tôi biết. Nhân danh má tôi, tôi không chịu nhún nhường như thế.

Má tôi đã dùng một ít nước canh, chúng tôi đợi Poupette. Má tôi nói: “Nó ngủ ở đây thì vất vả cho nó quá – Không sao đâu má”. Má tôi thở dài: “Thì có rắc rối gì cho má đâu!”. Và sau một lúc suy nghĩ: “Điều má thắc mắc là giờ má không thiết gì nữa”. Trước khi ngủ má tôi còn hỏi, giọng nghi hoặc: “Nhưng có thể làm cho người ta mê man ngu muội như thế này được không?”. Má tôi có ý phản đối chẳng? Tôi cho rằng má tôi muốn tôi an ủi cho má yên lòng: “Chỉ tại thuốc làm cho má mê muội một cách giả tạo thôi, không phải tinh thần má đã xuống đâu”.

Khi cô Cournot trở vào, má tôi mở mắt ra. Hai mắt đảo lia lịa, má tôi định thần lại nhìn chăm chú người canh gác một cách căm cảnh, còn hơn đứa trẻ khám phá ra cuộc đời: “Cô là ai vậy? – Cô Cournot đấy mà, má! – Sao cô lại ở đây vào giờ này? – Tối rồi má à”, tôi nhắc lại cho má tôi biết. Má tôi giương mắt hỏi cô Cournot: “Sao lại thế? – Cụ biết chứ, đêm nào tôi cũng ở đây, ngồi bên cụ”. Má tôi nói một giọng chê trách: “Này! Sao lại có ý nghĩ kỳ cục vậy!”. Tôi sửa soạn đi ra. “Con đi đấy à? – Con đi khỏi má có buồn không?”. Má tôi trả lời: “Không sao. Má không còn thiết gì nữa”.

Tôi không đi ra ngay; mấy người y tá ban ngày nói rằng có lẽ má tôi không qua khỏi đêm nay. Mạch máu nhảy từ bốn tám lên một trăm. Đến mười giờ thì ổn định. Poupette đã đi ngủ; tôi trở về nhà. Tôi chắc chắn là bây giờ bác sĩ P không lạm dụng chúng tôi nữa. Độ một hay hai ngày nữa má tôi sẽ tắt nghỉ mà không đau đớn lắm.

Má tôi thức dậy rất tỉnh táo. Khi đau thì cho thuốc chỉ thống. Tôi đến lúc ba giờ; má tôi ngủ, Chantal ở đấy với má tôi. Sau này má tôi bảo tôi: “Tội cho Chantal. Nó bận công kia việc nọ mà tao làm nó mất hết thì giờ. – Chantal muốn như thế mà, cô ấy yêu má lắm”. Má tôi suy nghĩ rồi nói với tôi ra vẻ ngạc nhiên và buồn nản: “Còn má, má không biết má có yêu mến ai không”.

Tôi nhớ lại má tôi thường tự hào: “Ai cũng ưa má vì má vui vẻ”. Dần dần nhiều người làm phiền cho má tôi vì săn sóc đến má tôi. Bây giờ trái tim của má tôi đã mỏi mệt rồi, sự mỏi mệt đã lấy hết của má tôi rồi. Tuy nhiên, không có lời âu yếm nào lại làm tôi xúc động bằng khi thấy má tôi tỏ ra không còn thiết gì nữa. Ngày xưa những câu nói thuộc lòng, những điệu bộ ước định đã che lấp tính tình chân thực của má. Tôi ước lượng được sự nồng nàn của những câu nói, những điệu bộ ấy khi vắng mặt chúng, má tôi trở nên lạnh lùng như thế.

Má tôi ngủ, hơi thở mong manh đến nỗi tôi ao ước: “Nếu hơi thở ngừng đi không một chút xao động”. Nhưng dải lụa đen còn đưa lên hạ xuống: bước nhảy không dễ dàng thế đâu. Đến năm giờ tôi đánh thức má

tôi dậy theo ý muốn của bà để bà ăn sữa chua: “Tại em mà cứ muốn tao ăn, ăn sữa chua tốt lắm”. Má tôi ăn hai hay ba muỗng: tôi nghĩ đến những thức ăn mà tại một vài nơi người ta vẫn đặt lên mồ người chết. Tôi đưa cho má tôi ngủi một bông hồng của Catherine mang lại hồi hôm: “Bông hồng cuối cùng ở Meyngnac”. Má tôi chỉ ngó qua bằng hai mắt thờ ơ. Má tôi lại chìm vào giấc ngủ; má tôi tỉnh dậy vì đau rất ở mông. Tiêm a phiến: không có kết quả. Cũng như ngày hôm kia, tôi cầm tay má tôi, tôi khuyến khích: “Một phút nữa thôi. Mũi tiêm sẽ có hiệu lực. Một phút nữa sẽ hết đau. – Thật là một cực hình theo lối Tàu”, mẹ tôi nói một giọng không vui không buồn, mẹ tôi đã yếu quá không còn sức để phản kháng. Tôi lại bấm chuông gọi năn nỉ xin chích mũi thuốc thứ hai. Cô bé Parent thu dọn giường, để má tôi nằm nhích ra chỗ khác một chút, má tôi lại ngủ thiếp đi, hai tay lạnh giá. Mụ hầu phòng cần nhẫn vì tôi không ăn bữa cơm chiều mang lên lúc sáu giờ: thông lệ không tránh được ở các bệnh viện, nơi mà hấp hối và chết chóc xảy ra hàng ngày. Đến bảy giờ rưỡi má tôi nói: “À! Bây giờ má thấy dễ chịu thật sự. Đã lâu nay má không thấy dễ chịu như thế”. Đứa con gái lớn cô Jeanne đến và giúp cho má tôi ăn chút canh và cà phê kem. Thật là khó khăn vì má tôi ho quá: đã bắt đầu nghẹt hơi. Poupette và cô Cournot khuyên tôi nên đi ra ngoài. Chắc rằng đêm nay không xảy ra chuyện gì, và chẳng tôi có mặt ở đây sẽ làm cho má tôi thắc mắc. Tôi hôn má tôi và má tôi nhếch mép cười một cách thiếu não, bảo tôi: “Má rất bằng lòng rằng con thấy má khỏe khoắn như thế này!”.

Tôi ngủ vào lúc mười hai giờ rưỡi, sau khi uống thuốc an thần. Tôi tỉnh dậy: chuông điện thoại kêu: “Chỉ trong vài phút nữa thôi. Marcel đem xe đến đón chị đó”. Marcel – anh em họ của Lionel – đưa tôi đi hết tốc lực qua Ba-lê vắng tanh. Chúng tôi đã uống một ly cà phê ở một cái quán sáng lửa hồng gần cửa Champerret. Poupette đến trước mặt chúng tôi, trong vườn bệnh viện: “Thế là hết”. Chúng tôi đi lên. Thật là bất ngờ và không thể tưởng tượng được, cái xác chết kia nằm trên giường, chiếm chỗ của má tôi. Tay, trán đã lạnh giá. Vẫn là má tôi đấy nhưng má tôi đã vắng mặt vĩnh viễn. Một mảnh vải đỡ cái cằm, bịt quanh khuôn mặt không còn cử động.

Em tôi muốn đi tìm quần áo ở phố Blomet: “Để làm gì? – Hình như người ta vẫn làm thế – Chúng ta không làm thế”. Tôi không nghĩ đến mặc áo, đóng giày cho má tôi như thế má tôi đi phố; và tôi cũng không nghĩ rằng má tôi muốn thế: má tôi thường nói rằng má tôi chẳng để ý gì đến cái xác chết của mình. Tôi bảo cô Cournot: “Thôi cứ mặc cho má tôi cái áo ngủ dài”. Poupette lấy nhẫn trong ngăn kéo bàn ra và hỏi: “Thế còn nhẫn cưới của má?”. Chúng tôi đeo nhẫn vào ngón tay cho mẹ. Tại sao thế? Có lẽ ở trái đất này không có chỗ nào cho cái vòng vàng còn con ấy.

Poupette đã kiệt sức. Sau khi nhìn lại một lần cuối cùng cái xác không còn phải là má mình nữa, tôi vội vàng dắt dìu nó đi ra. Chúng tôi đến tiệm Dôme uống một ly với Marcel. Poupette kể lại:

Vào lúc chín giờ, bác sĩ N ở trong phòng ra nói một giọng đầy bức tức: “Lại sút một mối ghim nữa. Đã ráng sức làm cho bà cụ mà còn thế: thật là chán ngán!”. Ông ta bỏ đi làm em tôi kinh hoàng. Dù hai tay lạnh giá, má tôi vẫn kêu nóng và thở khó khăn. Người ta tiêm cho một mũi, rồi má tôi ngủ. Poupette cởi áo đi nằm và làm như đọc một quyển tiểu thuyết trinh thám. Đến nửa đêm, má tôi trăn trở. Poupette và người canh gác đến bên giường. Má tôi mở mắt: “Các người làm gì đấy, tại sao lại ra vẻ xao huyền thế? Tôi thấy dễ chịu lắm – Tại má vừa mê sảng”. Khi kéo lại chăn nệm, cô Cournot sờ chân má tôi: chân đã chết lạnh giá rồi. Dì nó e ngại, chưa muốn gọi tôi. Vào giờ này sự có mặt của tôi sẽ làm má tôi hoảng hốt, má tôi còn đầy đủ sáng suốt. Má tôi ngủ lại. Đến một giờ lại cựa mình. Bằng một giọng ngang tàng, má lẩm bẩm nhắc đến một câu mà xưa cha tôi hay hát: “Người đi, người bỏ chúng ta”. Poupette nói: “Đâu có! Con có bỏ má đâu”, và má tôi hơi nhếch mép cười. Mỗi lúc má tôi mỗi thêm khó thở. Sau một mũi tiêm khác, má tôi lẩm bẩm, đã hơi lú lừi: “Đừng... Để cái chết nó đến...”. Má tôi nhấn mạnh vào chữ chết và nói thêm: “Tôi không muốn chết – Nhưng má đỡ rồi mà!”. Rồi má tôi nói lan man: “Ta muốn có đủ thì giờ để trình bày quyển sách... Để đem lại cho người đời vài giọt sữa trong”. Em tôi đã mặc áo xong: má tôi gần như đã mất thần trí. Bất thần má tôi kêu: “Ngạt thở!”. Miệng há ra, mắt mở trừng trừng, giữa khuôn mặt chỉ

còn trơ xương, hai mắt nom lớn vô chừng: một cơn đau nổi lên, má tôi đã hôn mê. Cô Cournot vội nói: “Thôi, gọi điện thoại đi”. Poupette gọi tôi nhưng tôi không trả lời. Nữ điện thoại viên cố gắng gọi trong nửa giờ tôi mới tỉnh dậy. Suốt trong khoảng thời gian ấy Poupette trở lại bên mẹ, mẹ đã vắng mặt rồi; tim còn đập, mẹ ngồi thở, hai mắt trong như thủy tinh không trông thấy gì nữa. Thế là hết: “Các y sĩ nói rằng má tôi sẽ tắt đi như ngọn nến: “Không phải thế, nhất định không phải thế, em tôi vừa nói vừa khóc – Nhưng, thưa bà, người canh gác trả lời, tôi cam đoan rằng, cụ chết một cách rất dịu dàng”.

Suốt đời mẹ tôi vẫn sợ bệnh ung thư, có lẽ lúc ở bệnh viện, lúc chiếu điện, mẹ tôi cũng còn sợ. Sau khi giải phẫu, không có lúc nào mẹ tôi nghĩ đến ung thư. Có ngày mẹ tôi lo sợ không thể sống được vì sự xúc động quá mạnh đối với tuổi tác mình. Nhưng bà không hề nghĩ đời mình mắc bệnh ung thư: người ta giải phẫu bệnh sưng màng ruột, rất nặng, nhưng chữa được.

Điều làm chúng tôi ngạc nhiên hơn là không bao giờ mẹ tôi cho mời linh mục đến, dù là ngày mẹ tôi thấy cô đơn: “Ta sẽ không còn gặp mặt con Simone!”. Cuốn Thánh kinh, cây Thánh giá, xâu tràng hạt do Marthe mang lại, tất cả vẫn để nguyên trong ngăn kéo. Một buổi sáng Jeanne đã gợi ý: “Hôm nay là Chủ nhật, dì Françoise ạ, dì có ý định cầu nguyện chăng? –Ồ! Thôi cháu, dì mệt quá không cầu nguyện được: Ông Trời đại lượng!”

Bà Tardieu khẩn khoản hơn, trước mặt Poupette, đã hỏi mẹ tôi có cho mời cha giải tội đến không; mặt mẹ tôi răn đanh lại: “Mệt lắm”; và nhắm mắt lại để chấm dứt câu chuyện. Sau khi tiếp chuyện một bà bạn già, mẹ tôi bảo Jeanne rằng: “Con Louise nó hỏi dì những câu kì dị: nó hỏi trong bệnh viện Có Linh mục tuyên úy không? Hẳn cháu biết dì không để ý đến những chuyện ấy!”.

Bà Saint-Ange săn hỏi chúng tôi: “Xem chừng cụ bối rối lắm, chắc cụ cần sự an ủi tôn giáo – Má cháu không muốn thế – Cụ đã yêu cầu tôi và các bạn bè khác giúp cụ được yên ổn khi nhắm mắt – Điều má cháu muốn lúc này là giúp má cháu khỏi bệnh”. Thiên hạ chỉ trích chúng tôi. Chắc chắn là

chúng tôi không ngăn cản mẹ nhận làm lễ lâm chung, nhưng chúng tôi không ép buộc mẹ phải theo. Có lẽ chúng tôi nên nói cho mẹ biết: “Má mắc bệnh ung thư. Má không qua khỏi được”. Có lẽ một vài người sùng đạo sẽ làm thế, nếu chúng tôi để họ một mình với mẹ tôi. (Thực ra chúng tôi lo ngại bà cụ phạm tội chống lại đạo và phải sám hối hàng thế kỷ). Mẹ tôi muốn rằng chung quanh giường mình có những nụ cười tươi trẻ: “Những người già cả như bà sẽ có lúc được thấy những nụ cười tươi trẻ khi vào ở một nhà dưỡng lão”, mẹ tôi thường nói với các cháu gái như vậy. Mẹ tôi thấy yên ổn với các cháu Jeanne, Marthe và một vài đứa nhỏ tin đạo nhưng hiểu biết và tán thành những lời nói dối của chúng tôi. Mẹ tôi không tin những người khác và nói đến họ với giọng hiềm thù: hình như mẹ tôi có bản năng kỳ lạ để đoán biết rằng sự có mặt của họ làm cho mẹ tôi mất yên ổn: “Mấy bà ở câu lạc bộ đó, ta chẳng lại chơi họ nữa. Ta không trở lại câu lạc bộ nữa”.

Nhiều người sẽ nghĩ: “Sự tin tưởng của mẹ tôi chỉ nông nổi ở bề mặt vì mẹ tôi không chịu được cuộc thử thách đau đớn lúc chết”. Tôi không hiểu thế nào là đức tin. Nhưng đức tin là nòng cốt và tính chất của cuộc sống: giấy má tìm được trong ngăn kéo của mẹ tôi chứng tỏ điều ấy. Nếu mẹ tôi chỉ thấy cầu nguyện là lầm rầm đọc kinh một cách máy móc, thì việc ngồi lần tràng hạt đọc kinh cũng không khó hơn chơi ô chữ. Trái lại, mẹ tôi không cầu nguyện làm cho tôi tin rằng mẹ tôi cho cầu nguyện là hành động cần chú ý, suy tưởng và một trạng thái tinh thần nào đó. Tôi biết rằng đáng ra mẹ tôi phải nói với Thượng Đế: “Xin cho tôi khỏi bệnh. Nhưng tôi xin theo ý muốn của Người: tôi nhận sự chết”. Mẹ tôi không nhận. Giờ phút cần sự chân thực, mẹ tôi không muốn nói những câu không thành thực. Nhưng mẹ tôi không cho phép mình có quyền chống đối. Mẹ tôi nín lặng: “Ông trời đại lượng”.

Cô Vauthier hốt hoảng bảo tôi: “Thật tôi không hiểu, má cô tin đạo, tin Chúa là thế mà sợ chết quá đáng!”. Cô ta có biết rằng những vị thánh khi chết cũng giãy giụa, kêu la chẳng? Và chẳng mẹ tôi không sợ Trời mà cũng không sợ quỷ: chỉ sợ phải bỏ thế gian này. Khi bà tôi biết mình chết. Bà tôi

nói ra vẻ tự mãn: “Ta đi ăn một cái trứng la-coóc cuối cùng rồi ta đi theo ông Gustave”. Bà tôi không bao giờ nhiệt thành với cuộc sống cho lắm; năm tám mươi tư tuổi, bà tôi sống hời hợt một cách buồn nản, chết không làm cho bà tôi phiền muộn, cha tôi cũng tỏ ra can đảm không kém, ông bảo tôi: “Bảo mẹ mày đừng mời Linh mục đến. Tao không muốn đóng kịch”. Và cha tôi dạn dò một vài chuyện thực tiễn. Cơ nghiệp tiêu tan, sống buồn phiền, cha tôi chấp nhận hư không một cách bình tĩnh cũng như bà tôi chấp nhận thiên đường. Mẹ tôi yêu cuộc đời cũng như tôi, mẹ tôi nổi loạn đối với sự chết cũng như tôi. Trong lúc mẹ tôi hấp hối, tôi nhận được nhiều bức thư bình luận cuốn sách cuối cùng của tôi: “Nếu cô không mất đức tin, cô không sợ chết đến như thế”, những người tin đạo viết cho tôi với một giọng tội nghiệp cay đắng như vậy. Những độc giả nhân nhượng khuyến khích tôi: “Chết đi không đáng kể: sự nghiệp còn lại”. Riêng tôi, tôi xin trả lời với tất cả mọi người rằng họ đã lầm. Đối với mẹ tôi cũng không hơn gì đối với tôi, tôn giáo không thể là hy vọng một sự thành công sau khi chết. Dù rằng tưởng tượng ra sự bất diệt linh hồn ở thượng giới hay ở trần gian thì sự bất diệt ấy cũng không an ủi được cái chết của người ta khi người ta tha thiết với cuộc sống.

Nếu thầy thuốc tìm ra bệnh ung thư ngay từ khi có những triệu chứng đầu tiên thì sao? Chắc là sẽ trị được bằng quang tuyến và má tôi sẽ sống thêm hai ba năm nữa. Nhưng ít ra má tôi cũng biết hay cũng ngờ vực đã mắc bệnh ấy và những ngày còn lại sẽ sống trong sự kinh hoàng. Điều đáng phàn nàn là sự lăm lờ của thầy thuốc đã làm chúng tôi khinh xuất; nếu không, chúng tôi đã để tâm đến hạnh phúc của mẹ hơn cả. Chúng tôi đã không kể đến công việc bận rộn của Jeanne và Poupette trong mùa hè. Tôi sẽ đến thăm má tôi nhiều hơn và sẽ tìm cách làm cho má tôi được vui lòng.

Có nên hối tiếc việc bác sĩ đã giải phẫu và hồi sinh má tôi chẳng? Má tôi đã “lời” được ba mươi ngày, và má tôi không muốn mất một ngày nào; những ngày đó đem lại vui sướng cho má tôi; nhưng cũng đem lại lo âu và đau đớn. Vì má tôi đã tránh khỏi cực hình mà thỉnh thoảng má tôi tưởng rằng mình phải chịu, cho nên tôi không thể nhân danh má tôi mà định đoạt. Đối với dì nó, khi gặp lại thì mất mẹ, dì nó không thể quên được sự đau khổ. Còn tôi? Bốn tuần lễ ấy đã để lại cho tôi những hình ảnh, những ác mộng, những đau buồn mà tôi không biết đến nếu má tôi tắt nghỉ từ sáng thứ tư. Nhưng tôi không thể ước lượng được sự xúc động của tôi vì nỗi thống khổ đã nổ bùng một cách không dự tính trước. Má tôi sống thêm được ít ngày đã cho chúng tôi một cái lợi hiển nhiên: chúng tôi đã không phải hối hận – hay gần như thế. Khi một người thân chết, chúng ta phải trả giá sự sống còn của chúng ta bằng trăm ngàn mối tiếc hận đau thương, cái chết của người thân bộc lộ tính chất lạ lùng độc đáo của nó; người thân trở thành mệnh mông như cả thế gian, sự vắng mặt của họ làm cho thế gian

cũng tiêu tan theo, sự có mặt của họ làm cho thế gian hiện hữu toàn vẹn; hình như người thân chiếm nhiều chỗ hơn trong đời sống của chúng ta; có khi chiếm hết chỗ. Chúng ta thoát khỏi sự choáng váng ấy: họ cũng chỉ là một người trong số những người khác. Nhưng không bao giờ chúng ta tận tâm hết sức cho một người nào – dù trong giới hạn không thỏa đáng lắm mà chúng ta đã định – chúng ta vẫn còn nhiều điều để tự trách. Đối với mẹ già, chúng tôi đã phạm lỗi lười biếng, thiếu sót, không hết lòng trong những năm gần đây. Hình như chúng tôi muốn chuộc bằng những ngày sống riêng cho mẹ, bằng sự có mặt để mẹ được an tâm, bằng cách chiến thắng sự đau đớn sợ hãi của mẹ. Nếu chúng tôi không hết sức chăm nom mẹ, chắc rằng mẹ còn đau khổ hơn nữa.

Bởi vì, nếu đem so sánh với người khác, thì mẹ tôi chết được êm dịu hơn. “Đừng phó mặc mẹ cho những người cục cằn như súc vật”. Tôi nghĩ đến những người không thể nói câu ấy với ai: người ta sẽ phải lo ngại bao nhiêu khi thấy mình là một người không đường chống cự, hoàn toàn ở trong tay những y sĩ lạnh lùng, những nữ y tá quá bận rộn. Không có ai đặt tay lên trán khi họ kinh hoàng; không có thuốc chỉ thống khi cơn đau xé thịt, không có ai nói những lời dối trá để đánh tan sự yên lặng của hư không. “Trong hai mươi bốn giờ má tôi đã già đi đến bốn mươi tuổi”. Câu nói ấy cũng ám ảnh tôi. Ngày nay cũng còn những cơn hấp hối ghê rợn – tại sao thế? Vả lại, trong phòng chung, đến lúc lâm chung, người ta lấy bình phong quây kín giường người sắp chết; họ đã thấy cái bình phong ấy chung quanh giường khác, ngày hôm sau giường bỏ không: vì thế họ biết cả. Tôi tưởng tượng má tôi hàng giờ lóa mắt vì cái mặt trời đen mà không ai dám nhìn thẳng vào đó: mắt sợ hãi mở trừng trừng, con người giãn lớn. Mẹ tôi đã chết một cách rất êm dịu, một cái chết may mắn hơn người.

Poupette ngủ lại nhà tôi, đến mười giờ sáng chúng tôi trở lại bệnh viện: cũng như trong khách sạn, phải thu dọn phòng trước buổi trưa. Lại một lần nữa, chúng tôi lên cầu thang, mở hai lần cửa: cái giường bỏ trống. Tường, cửa sổ, đèn, đồ đạc, đồ nào ở chỗ nấy, trên khăn nệm trắng không có gì cả. Dự tính không phải là biết trước: việc xảy ra vẫn phũ phàng như chúng tôi không ngờ. Chúng tôi lấy va-li trong hộc tủ ra để thu nhật sách vở, quần áo, đồ trang điểm, giấy má: sáu tuần lễ thân mật hoen ố vì sự phản bội. Chúng tôi để lại cái áo mặc trong nhà màu đỏ. Chúng tôi đi qua vườn, ở phía trong cùng kia, dưới rặng cây xanh rờn, là nhà xác, và trong nhà xác là thi thể má tôi với cái khăn bịt cằm. Poupette, vì ý muốn, mà cũng vì bất ngờ, đã chịu những cơn xúc động mạnh bạo nhất, coi di nó ử dột quá, tôi không thể gợi lên ý muốn lại thăm. Vả lại tôi cũng không chắc tôi có ý muốn ấy.

Chúng tôi đã để va-li lại căn nhà đường Blomet, gửi người gác cửa. Chúng tôi chợt thấy một tiệm cho thuê đồ tang sự: “Thôi, mượn ở đây cũng như ở chỗ khác”. Chủ nhân mặc áo đen ra tiếp chúng tôi. Họ đưa cho coi hình các mẫu quan tài: “Cái này đẹp hơn cả”. Poupette nửa cười nửa khóc: “Cái hòm này mà đẹp hơn à! Mẹ không muốn khâm liệm vào trong cái hòm này đâu!”. Đám tang đã định vào ngày hôm sau nữa, tức là thứ sáu. Họ hỏi chúng tôi có muốn dùng hoa không? Chúng tôi bằng lòng, không hiểu tại sao: không có thập tự, vòng hoa, chỉ lấy một bó hoa lớn. Họ nhận lãnh mọi khoản. Đến chiều chúng tôi mang va-li vào nhà; cô Leblon đã dọn dẹp làm khác hẳn đi; sạch sẽ vui mắt hơn, chúng tôi khó lòng nhận ra nhà cũ nữa: càng hay. Chúng tôi vùi vào trong tủ cái giỏ đựng chiếc áo đọc sách và sơ-

mi mặc đêm, xếp dọn sách vở, nước hoa, kẹo, đồ trang sức, còn thì mang về nhà tôi. Đến đêm tôi không ngủ được. Tôi không hối tiếc rằng đã nói với mẹ tôi những điều này: “Má trông thấy con mạnh như thể này con rất vui lòng”. Nhưng tôi tự trách đã không để ý đến thi thể má tôi sớm hơn. Má tôi và em tôi đều nói: “Một cái tử thi không có nghĩa gì cả”. Tuy nhiên, đó còn là thịt xương, còn là khuôn mặt má tôi trong một thời gian. Tôi đã ở bên cha tôi cho đến lúc cha tôi biến thành một vật; tôi đã làm quen với sự di chuyển từ khi có mặt sang cõi hư không. Còn mẹ tôi, tôi đã bỏ đi sau lúc hôn mẹ tôi, bởi vậy hình như mẹ còn nằm yên, tro troi một mình trong cái giá lạnh một nhà xác. Chiều mai sẽ khâm liệm: tôi sẽ đến đấy chẳng?

Tôi đã đến bệnh viện vào khoảng bốn giờ để thanh toán tiền nong. Có thư từ và một gói mút trái cây gửi cho má tôi. Tôi lên từ giã các cô y tá. Tôi gặp bé Martin và bé Parent cười đùa trong hành lang. Cổ tôi se lại khó khăn lắm mới nói ra được một hai tiếng. Tôi đi qua cửa phòng 114, người ta đã gỡ tấm biển: “Xin miễn vào thăm”. Xuống đến vườn, tôi ngập ngừng một lúc: tôi thiếu can đảm, mà để làm gì? Tôi đi ra. Tôi lại thấy tiệm Cardin và những cái áo mặc trong nhà đẹp đẽ. Tôi tự nhủ rằng sẽ không ngồi trong căn phòng ngoài, không cầm đến cái máy điện thoại trắng, không đi qua đây nữa; tôi sẽ hôn hờ mà bỏ những thói quen ấy nếu mẹ tôi khỏi bệnh; nhưng tôi giữ lại một kỷ niệm u buồn vì mẹ tôi mất cho nên tôi bỏ những thói quen ấy.

Chúng tôi muốn gửi những kỷ vật của má tôi cho những người thân. Chúng tôi bị chìm dưới xúc động khi đứng trước cái giỏ rơm đầy những cuộn len và một cái áo đan dở; trước mảnh giấy thấm, kéo, dề của má tôi. Ai cũng biết sức quyến luyến của đồ vật: đời sống đã thâm nhập vào nó, nó có mặt hơn bất cứ thời khắc nào của chúng ta. Nó nằm yên trên bàn như những trẻ mồ côi, không có ích gì, trước khi trở thành rác rưởi hay có một chứng thư hộ tịch khác: đồ dùng của tôi là do cô Françoise tôi để lại. Chúng tôi tặng Marthe cái đồng hồ. Khi cởi cái dải đen, Poupette khóc: “Ngu thật, tôi không thờ linh vật, nhưng tôi không thể bỏ được cái băng này – Thì di cứ giữ lấy”. Không cần phải toan tính hội nhập cái chết vào cuộc đời và xử

sự một cách hợp lý đối với một vật không hợp lý: mỗi người tùy ý tìm cách thỏa đáng cho mình trong sự hỗn độn của tâm tình. Tôi biết tất cả những ý muốn cuối cùng của người ta, và cũng biết rằng người ta không có một ý muốn cuối cùng nào cả; người ta có thể ôm chặt lấy hài cốt hay chôn người thân yêu vào huyết chung cho nhiều người. Nếu dì nó có ý muốn mặc áo chỉnh tề cho mẹ hay muốn giữ lại cái nhăn cười, tôi cũng chấp nhận phản ứng của dì nó là phản ứng của tôi. Về tang lễ, chúng tôi không đặt ra vấn đề gì cả. Chúng tôi nghĩ rằng đã biết ý muốn của mẹ và chỉ việc làm theo.

Vả chẳng chúng tôi bị thôi thúc bởi những khó khăn rùng rợn. Chúng tôi có một khoảng đất hương hỏa ở khu Père Lachaise của tổ mẫu Mignot, chị của cụ tôi. Tổ mẫu tôi được chôn cất ở đấy, cả ông tôi, bà tôi, ông trẻ tôi, chú Gaston và cha tôi. Không còn chỗ nữa. Trong trường hợp ấy, người ta phải chôn tạm má tôi ở một nơi, khi nào cải táng sẽ thu thập hài cốt người trước vào một nơi, bấy giờ sẽ an táng mẹ tôi vào đất của dòng họ. Nhưng đất để an táng đắt quá, chính phủ tìm cách lấy lại những khu đất nhượng vĩnh viễn; họ bắt buộc rằng trong ba mươi năm chủ đất phải kê khai lại. Hạn đã qua. Người ta không thông báo cho biết sẽ mất chủ quyền, chúng tôi vẫn gửi quyền sở hữu: với điều kiện là không có người dòng dõi Mignot ra tranh quyền với chúng tôi. Trong khi chờ đợi chương khế đưa ra bằng chứng, chúng tôi quản linh cữu tại một nơi.

Chúng tôi lo ngại tang lễ ngày hôm sau. Chúng tôi đã uống thuốc an thần, ngủ đến bảy giờ, uống nước trà, ăn sáng và uống thêm thuốc an thần. Trước tám giờ một chút, một cái xe hòm đen đậu trong phố vắng, từ tang táng sáng họ đã đến rước linh cữu từ bệnh viện ra, qua một cái cửa kín. Chúng tôi đi trong sương mù lạnh lẽo ban sớm, Poupette ngồi giữa tài xế và một trong những người của nhà thầu Durand, tôi ngồi ở trong cùng cạnh một thứ hòm bằng sắt. Dì nó hỏi: “Má đấy à?” “Má đấy”. Dì nó sẽ nắc lên: “Chỉ có một điều an ủi tôi, là tôi cũng sẽ qua bước ấy, nếu không thì thật là bất công!”. Phải. Chúng tôi chứng kiến cuộc diễn thử đám tang của chúng tôi. Điều không may là cuộc phiêu lưu chung cho cả mọi người, mỗi người chỉ thực hiện một mình mà thôi. Chúng tôi không rời mẹ trong lúc hấp hối

ấy, mẹ tôi đã làm lẫn sự hấp hối với sự dưỡng sức và chúng tôi đã hoàn toàn cách biệt với mẹ.

Khi đi qua Ba-lê, tôi nhìn phố phường, người qua lại, cố ý không nghĩ gì cả. Nhiều xe hơi đợi trước cửa nghĩa trang: họ hàng thân quyến. Mọi người theo chúng tôi đến nhà thờ rồi xuống xe. Trong khi phu khiêng linh cữu xuống, tôi dẫn Poupette đến với bà dì, bà mắt mũi đỏ hoe vì buồn rầu. Chúng tôi nhập vào đám người; trong nhà thờ đen ngịt. Trên quan tài không có hoa, hăng thâu để quên hoa trong xe: cũng chẳng có gì là quan trọng.

Một tu sĩ trẻ, mặc quần ngoài phủ áo lễ, cầu kinh và đọc một bài điệu tang ngắn buồn thảm lạ lùng, ông nói “Trời xa lắm, dù cho người ta có lòng tin chắc chắn nhất cũng có những ngày Thượng đế xa đến nỗi hình như Ngài vắng mặt. Ta có thể nói rằng Ngài lừa dối. Nhưng Ngài đã sai con Ngài xuống”. Người ta đã kê hai cái giá để làm lễ. Hầu hết mọi người đã chịu lễ. Vị tu sĩ lại nói nữa. Cả hai chúng tôi đều cảm động như dao cắt khi ông nói: “Françoise de Beauvoir”. Mấy tiếng ấy làm hồi sinh mẹ tôi, mấy tiếng ấy thu tóm cả đời sống mẹ tôi từ lúc tuổi thơ đến lúc thành hôn, góa bụa rồi chết; Françoise de Beauvoir: má tôi, một người đàn bà sống ẩn dật, ít ai nói đến, đã trở thành một nhân vật.

Mọi người đã đi qua linh sàng: một vài bà ứa nước mắt khóc. Chúng tôi còn bận bắt tay thân bằng cố hữu. Khi phu khiêng quan tài ra khỏi nhà thờ; lần này Poupette trông thấy và xiu người đi, phải vịn vào vai tôi: “Tôi đã hứa với má rằng không để người ta bỏ má vào trong cái hòm ấy!”. Tôi vui vẻ rằng dì nó không phải nhớ lại lời cầu khẩn này: “Đừng để má ngã xuống hố!”. Một người của nhà thầu Durand nói cho người đi đưa đám biết nên giải tán. Cổ quan tài tự nó chuyển động, tôi cũng không hiểu nó di chuyển đi đâu.

Trong một miếng giấy thấm mang ở bệnh viện về, má tôi đã viết hai dòng chữ lên mảnh giấy nhỏ, chữ viết cứng và mạnh dạn như hồi còn hai mươi tuổi: “Má muốn đám tang má giản dị. Không có hoa, không có vòng

hoa. Nhưng đọc thật nhiều kinh”. Chúng tôi đã làm đúng lời trối trăn của mẹ, nhất là khi người ta đã bỏ quên hoa.

Tại sao cái chết của mẹ tôi đã làm tôi xúc động mạnh mẽ như vậy? Từ khi tôi không ở với mẹ tôi, tôi không thăm thiết với mẹ tôi cho lắm. Khi ba tôi mất, má tôi đau khổ mãnh liệt và giản dị làm tôi xúc động và tôi cũng xúc động vì sự săn sóc của má đối với tôi: “Con hãy nghĩ đến con”, má tôi thường nói thế, vì cho rằng tôi giấu nước mắt để khỏi làm cho má buồn thêm. Một năm sau, bà tôi hấp hối làm má tôi đau đớn nhớ lại lúc hấp hối của cha tôi: ngày đưa đám mẹ tôi phải nằm liệt giường vì bệnh thần kinh nguy kịch. Đêm ấy, tôi ở bên mẹ tôi; tôi quên hẳn sự ghê tởm đối với cái giường cưới mà mẹ tôi đã sinh ra tôi ở đấy, mà cha tôi đã chết ở đấy; tôi nhìn má tôi ngủ; má tôi nằm nhắm mắt, vẻ mặt thư thái, vào tuổi bốn mươi lăm, má tôi vẫn còn đẹp; tôi thán phục mẹ tôi có tình cảm mạnh mẽ thẳng được ý muốn. Thường thường tôi nghĩ đến mẹ tôi một cách lãnh đạm thờ ơ. Tuy nhiên, trong giấc mơ – cha tôi ít khi hiện ra và hiện ra một cách mờ nhạt – còn má tôi chiếm một chỗ trọng yếu: hình ảnh má tôi lẫn với hình ảnh Sartre, tôi với mẹ tôi quyến luyến nhau và lấy làm sung sướng. Rồi giấc mơ trở thành ác mộng: tại sao tôi trở lại chịu ảnh hưởng nặng nề của mẹ tôi? Sự thân mật ngày trước sống lại dưới hai bộ mặt: tâm hồn tôi chịu sự chi phối của mẹ tôi, tôi vừa yêu mến hoàn cảnh ấy, vừa ghét bỏ nó. Sự thân mật ấy sống lại rất mãnh liệt khi mẹ tôi mắc nạn, đau yếu mệnh một đã làm mất một thói quen vẫn khuôn định mỗi tình mẫu tử. Khi một người qua đời thì đằng sau họ thời gian tan biến mất; tuổi tôi càng cao, quá khứ của tôi càng co rút lại. Người “má của con” lúc tôi lên mười không còn phân biệt với người mẹ đã áp chế tôi lúc mới lớn lên; và tôi đã khóc cả hai người

mẹ ấy khi tôi khóc người mẹ già. Sự đau khổ vì thất bại trong mỗi tình thân mà tôi tưởng rằng đã có thái độ nhất định, nay trở lại dày vò tôi. Tôi nhìn hai bức ảnh của tôi và của mẹ tôi cùng chụp vào một thời kỳ. Bấy giờ tôi mười tám tuổi, mẹ tôi gần bốn mươi. Ngày nay tôi gần có thể là mẹ của người mẹ gần bốn mươi, là bà của đứa con gái hai mắt u buồn. Cả hai người đều làm tôi thương hại, tôi, bởi vì tôi còn trẻ quá, mà tôi không hiểu đời; má tôi, bởi vì tương lai má tôi bị khép kín, không bao giờ má tôi hiểu gì cả. Nhưng tôi không thể khuyên bảo người nào được điều gì. Tôi không có quyền xóa bỏ những lỗi lầm tuổi trẻ của tôi, chính vì những lỗi lầm ấy mà mẹ tôi làm cho tôi khổ sở, mà mẹ tôi cũng đau khổ. Bởi vì, nếu mẹ tôi đã đầu độc cuộc sống của tôi trong bao nhiêu năm, thì tôi cũng đầu độc cuộc sống của má tôi tuy tôi không chủ tâm. Trong kiếp sống này, mẹ tôi vui lòng vì những thành công của tôi, nhưng buồn khổ vì tôi gây ra tai tiếng trong xã hội mẹ tôi sống. Mẹ tôi không có gì là hả dạ khi nghe họ hàng nói rằng: “Simone là vết nhục của gia đình”.

Những sự thay đổi trong mẹ tôi từ khi bà ngộa bệnh làm cho tôi thêm bức dọc vì mỗi hận lòng. Tôi đã nói ở trên: tính tình má tôi cứng rắn và hăng hái, má tôi trở nên loạn trí và vụng về vì muốn thoát tục. Nằm trên giường bệnh, mẹ tôi định sống cho mình nhưng luôn luôn nghĩ đến người khác: do những xung đột nội tâm đó lại thành hình một nhịp điệu. Con người xã hội của cha tôi diễn tả đúng chân tướng cha tôi: Giai cấp của ông và chính ông cùng chung một tiếng nói qua miệng của ông. Lời nói cuối cùng của ông làm cho tôi không thể chảy nước mắt được: “Con, thì con biết làm ăn sớm, nhưng em con đã làm ba hao tài tổn của”.

Mẹ tôi chạy theo một ý thức hệ duy linh; nhưng đối với cuộc sống mẹ tôi tha thiết với tất cả nhiệt độ của thể xác. Đó là nguồn gốc sự can đảm của mẹ tôi, khi mẹ tôi đã có sự can đảm ấy và đã biết sự quan trọng của thân xác, mẹ tôi tới gần chân lý. Mẹ tôi cởi bỏ những lớp men hào nhoáng che lấp cái gì là thành thực và đáng mến của bà. Biết thế tôi mới cảm thấy một tình yêu đậm thắm mà sự ghen tị đã làm biến dạng đi, mà mẹ tôi cũng chỉ biết thổ lộ một cách vụng về. Tôi đã tìm thấy trong giấy má của mẹ tôi

những bằng chứng rất cảm động. Mẹ tôi đã soạn riêng ra hai bức thư, một bức của một thầy tu dòng Tên, một bức của một người bạn an ủi má tôi rằng sẽ có ngày tôi trở về tin Thượng Đế. Chính tay má tôi đã viết lại một đoạn văn của Chamson, trong đó nói lên rất nhiều: nếu vào lúc hai mươi tuổi tôi gặp một người đàn anh, có uy tín nói đến Nietzsche, Gide, tự do, chắc tôi đã cắt liên lạc với gia đình tôi. Tài liệu ấy được bổ túc bằng một bài cắt ở nhật trình: Jean-Paul Sartre đã cứu một linh hồn. Rémy Roure kể lại rằng sau khi diễn vở Bariona, một y sĩ vô thần xin theo đạo – chuyện này không đúng. Tôi biết rõ mẹ tôi muốn tìm gì trong những bản văn ấy; mẹ tôi muốn an tâm về tôi; nhưng mẹ tôi chả cần làm thế nếu không bận tâm nhiều đến sự cứu rỗi linh hồn của tôi. Mẹ tôi đã viết cho một nữ tu sĩ trẻ: “Hẳn là tôi muốn lên thiên đường nhưng không muốn lên một mình không có các con”.

Rất ít khi ái tình, tình thân hữu, sự giao du làm cho người ta khỏi cô đơn lúc lâm chung; mặc dù bề ngoài tôi cảm thông với má tôi, mặc dù tôi cầm tay má tôi, tôi vẫn ở ngoài má tôi: tôi đã dối trá má tôi. Vì má tôi đối với tôi vẫn là bí mật, cho nên sự bí mật cùng cực ấy thật là khả ố cho tôi. Tôi đã tự làm cho mình hóa ra tông phạm của vận mệnh để vận mệnh đàn áp mẹ tôi. Tuy nhiên, bằng mỗi tế bào của tôi, tôi đoàn kết với má tôi khi má tôi khước từ, khi má tôi nổi loạn: vì lẽ đó mà sự thất bại của má tôi làm cho tôi kinh hãi. Đã ba lần tôi chứng kiến những phút cuối cùng của người hấp hối. Tuy tôi vắng mặt lúc mẹ tôi tắt nghỉ, nhưng lúc ở bên giường bệnh mẹ tôi, tôi đã trông thấy Thần chết nhảy múa, nhả nhó và mỉa mai, Thần chết trong những truyện kể về đêm gõ cửa dồn dập, tay cầm lưỡi hái, Thần chết ở đâu đến lạ lùng, không có bản sắc người: Thần chết cũng có bộ mặt như bộ mặt mẹ tôi nhe hàm răng với một nụ cười ngu xuẩn.

“Ông ấy cũng đến cõi rồi”. Người già cả buồn rầu và cô độc: nhiều người không nghĩ rằng họ đã đến tuổi ấy. Tôi cũng vậy, đối với mẹ tôi cũng dùng câu khuôn sáo ấy. Tôi không hiểu rằng người ta có thể thành thật mà khóc một người thân, một vị tổ mẫu ngoài bảy mươi tuổi. Nếu tôi gặp một người đàn bà năm mươi tuổi ủ rũ vì mẹ chết, tôi cho là họ suy nhược thần

kinh: chúng ta, ai cũng phải chết; đến tuổi tám mươi người ta đã già lắm rồi chết cũng phải...

Nhưng không. Người ta không chết vì đã sinh ra, đã sống ở đời hay đã già cả. Người ta chết vì một cố gì. Biết rằng mẹ tôi vì tuổi tác mà sắp qua đời, tôi cũng không bớt kinh ngạc ghê gớm: mẹ tôi bị bệnh ung thư. Một bệnh ung thư, một bệnh tắc mạch máu, một bệnh sưng phổi: bệnh nào cũng tàn bạo và bất ngờ như máy bay lưng trời không chạy nữa. Mẹ tôi khuyến khích người đời lạc quan khi bà đã liệt giường, đã sắp ra ma còn xác định giá trị vô lượng của mỗi thời khắc; nhưng má tôi quyết liệt một cách vô ích làm cho tấm màn nhảm chán thường ngày vẫn khiến cho ta yên dạ phải xé toang ra. Không! Làm gì có cái chết tự nhiên: không có cái gì xảy ra cho loài người lại tự nhiên mà xảy ra cả, vì sự có mặt của loài người đã đặt cuộc sống thành vấn đề. Tất cả mọi người rồi phải chết: nhưng đối với mỗi người lại là một tai ách, mà cho dù người ta biết và chấp nhận, cái chết cũng là một sự cưỡng bách, trái với lẽ thường.

HẾT

MỘT CÁI CHẾT RẤT DỊU DÀNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

90 Ký Con, phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM

Điện thoại: (848) 8216009 – 9142419 Fax: (848) 9142890

E-mail: nxbsaigon@vnn.vn – bientapvhsg@yahoo.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Đỗ Thị Phấn

Biên tập: Trúc Phương

Sửa bản in: Tâm Minh

Thiết kế bìa: Uyên Nghi

Kỹ thuật vi tính: Anh Dũng

Liên kết xuất bản

CTY TNHH TM-DV Văn Hóa Cửu Đức

SÁCH HÀ NỘI

245 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT/Fax: 08.8322047

Email: sachhanoi@yahoo.com

Website: sachhanoi.com

In lần thứ nhất. Số lượng 1000 cuốn, Khổ 13 x 20cm.

Tại Công ty cổ phần in và thương mại Đông Bắc

Số đăng ký KHXB: 826-2008/CXB/28-17/VHSG

Ngày 18/11 /2008. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2009.

CHÚ THÍCH

[1] Theo sự phân tích phân Lâm học (*sadique*), lời người dịch.

Table of Contents

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)